



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Mộc Châu Milk



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml*
Nutritional information per 100 ml

Năng lượng/ Energy	77,5 kcal
Chất béo/ Fat	3,5 g



SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG CÓ ĐƯỜNG

MỘC CHÂU

.....
Thảo Nguyên Xanh
Sữa Mát Lành
.....

Thể tích thực: 180 ml

How to use and storage:
Shake well before use.
Best served chilled.
Store in a cool and dry place.
Product is for one time use only.
Do not use for children below 1 year.
See on the top



Nội dung

Thông điệp của chủ tịch HĐQT

07

Phần I.

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát	10
2. Quá trình hình thành và phát triển	12
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
4. Các sản phẩm Mộc Châu Milk	20
5. Tâm nhìn, sứ mệnh, triết lý cốt lõi	30
6. Sự kiện tiêu biểu	32
7. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	36
8. Định hướng phát triển	46
9. Các rủi ro	48

Phần III.

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	86
2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	88
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai	89

Phần II.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	52
2. Tổ chức và nhân sự	54
3. Tình hình tài chính	58
4. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	64
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	66
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	72

Phần IV.

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	92
2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành của Công ty	96

Phần V.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị	100
2. Ban kiểm soát	102
3. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan	105
4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	106
5. Việc thực hiện các quy định quản trị nội bộ	106

Phần VI.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	110
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	112
3. Bảng cân đối kế toán	114
4. Báo cáo kết quả Hoạt động kinh doanh	116
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	118
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính	120





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG

Chúng ta đã cùng nhau trải qua năm 2020 đầy biến động để khép lại thập kỷ thứ 2 của thế kỷ 21 một cách nỗ lực và ghi nhận kết quả khả quan. Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả quốc gia trên v thế giới, và tiếp tục diễn biến rất phức tạp tại năm 2020, tuy nhiên, Việt Nam đã làm khá tốt công tác phòng chống và kiểm soát dịch bệnh, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng dù vẫn phải gánh chịu những tổn thất do ảnh hưởng của đại dịch.

Trong bối cảnh đó, đội ngũ Ban Điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên công ty, dưới sự chỉ đạo đồng hành của Hội đồng quản trị, đã có những nỗ lực vượt bậc và đạt được kết quả tốt không chỉ vượt kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông đề ra mà còn gia tăng niềm tin yêu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm Mộc Châu Milk trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

Năm 2020 là năm đầu tiên Mộc Châu Milk hoạt động với tư cách là đơn vị thành viên của Vinamilk, đánh dấu cho chặng đường hợp tác song hành cùng phát triển để gia tăng giá trị kinh tế trong tương lai. Đáng ghi nhận là kết quả kinh doanh của công ty đạt mức tăng trưởng tốt: Doanh thu thuần đạt 2.823 tỷ đồng, tăng hơn 10% và Lợi nhuận sau thuế đạt 280,7 tỷ đồng, tăng ấn tượng 68% so với cùng kỳ năm 2019. Trong năm này, Mộc Châu Milk đang dần loại bỏ một số mảng kinh doanh không cốt lõi, thực hiện kế hoạch tái cấu trúc và đầu tư phát triển giai đoạn 2020-2024. Với dự báo tích cực của nền kinh tế cùng với tiềm năng phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng sự hợp tác Vinamilk – Mộc Châu Milk chắc chắn sẽ tạo ra những bước tiến vượt bậc cho ngành sữa và ngành chăn nuôi bò sữa Việt Nam trong tương lai.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị Mộc Châu Milk, tôi xin gửi tới Quý cổ đông lời tri ân sâu sắc. Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Sơn La, ngày 30 tháng 3 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MAI KIỀU LIÊN

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Các sản phẩm Mộc Châu Milk
5. Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý cốt lõi
6. Sự kiện tiêu biểu
7. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
8. Định hướng phát triển
9. Các rủi ro



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH
CÔNG TY CP GIỐNG BÒ
SỮA MỘC CHÂU

TÊN VIẾT TẮT
MOCCHAU MILK

TÊN TIẾNG ANH
MOCCHAU DAIRY CATTLE BREEDING
JOINT STOCK COMPANY

**GIẤY PHÉP ĐĂNG KÍ KINH
DOANH VÀ MÃ SỐ THUẾ**
5500154060

MÃ CỔ PHIẾU
MCM

Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng
khoán Hà Nội theo quyết định số 713/
QĐ-SGDHN ngày 10/12/2020

VỐN ĐIỀU LỆ
1.100.000.000.000 ĐỒNG

Số liệu chốt tại ngày 25/02/2021 theo danh
sách VSD cung cấp.

SỐ ĐIỆN THOẠI
0212 3866 065

FAX
02123 866184

EMAIL
mocchaumilk@mcmilk.com.vn

WEBSITE
www.mcmilk.com.vn

ĐỊA CHỈ

Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La





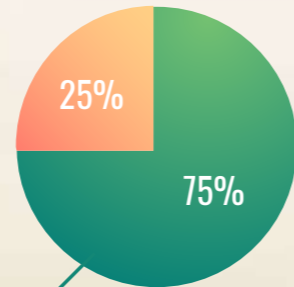
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu, tiền thân là Nông trường Mộc Châu, được thành lập ngày 08/04/1958, là đơn vị đầu tiên khai mở ra ngành chăn nuôi và sản xuất sữa công nghiệp tại Việt Nam.



Cao nguyên Mộc Châu nằm cách thủ đô Hà Nội gần 200km về phía Tây Bắc, được thiên nhiên ưu đãi ban tặng đất đai màu mỡ, khí hậu quanh năm trong lành mát mẻ. Theo nhiều chuyên gia chăn nuôi đánh giá: cùng với Đà Lạt, Mộc Châu là vùng đất hiếm hoi tại Việt Nam có khí hậu ôn đới, là nơi phù hợp nhất để có thể phát triển đàn bò sữa quy mô lớn.

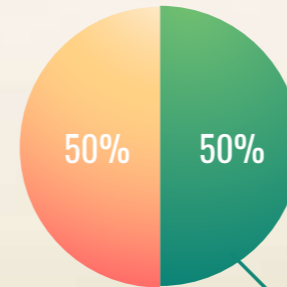
BÒ Ở VÙNG NHIỆT ĐỚI

Các hoạt động cơ thể 
Nuôi thai & sản xuất sữa 



BÒ Ở MỘC CHÂU

Các hoạt động cơ thể 
Nuôi thai & sản xuất sữa 



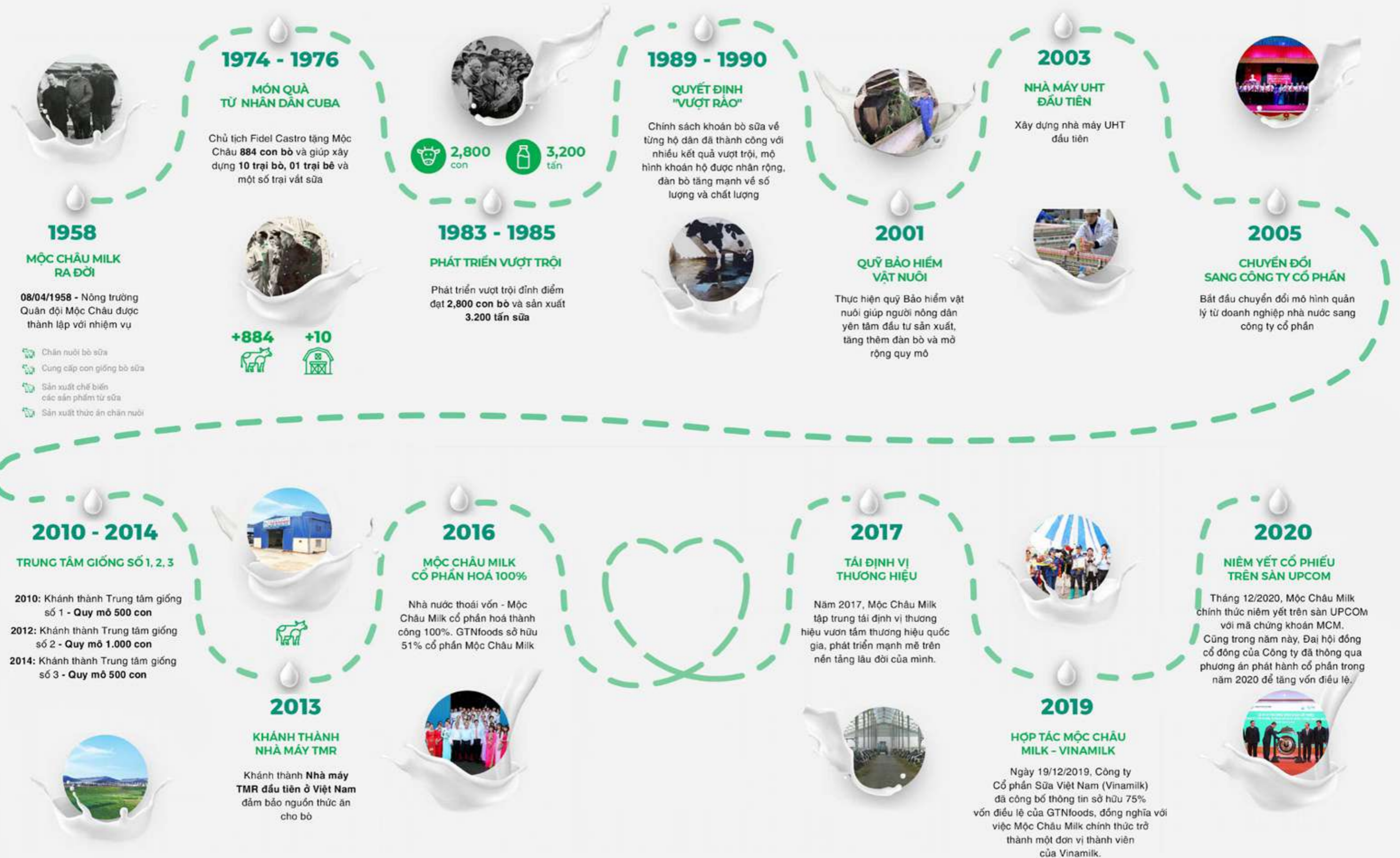
Với khí hậu lý tưởng như vậy, đàn bò giảm thiểu quá trình thải nhiệt do nhiệt độ tăng cao, giúp tăng khả năng sinh sản và cho sữa ở bò. Trong môi trường ôn đới ở Mộc Châu, bò chỉ sử dụng khoảng 50% lượng thức ăn cho các hoạt động của cơ thể, còn lại là để nuôi thai và sản xuất sữa, trong khi con số này ở bò nhiệt đới là 75%.

MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG CHÍNH CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, Công ty vinh dự nhận nhiều bằng khen, Huân chương Lao động từ Đảng và Chính phủ, đạt được nhiều giải thưởng như: Hàng Việt Nam Chất lượng cao, Top 10 thương hiệu phát triển bền vững, sản phẩm chất lượng cao, Top 5 thương hiệu được chọn mua nhiều nhất...



CHẶNG ĐƯỜNG MỘC CHÂU MILK



3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

1 Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

2 Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Chế biến thức ăn gia súc.

3 Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

Bán buôn thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi

4 Bán buôn thực phẩm.

Bán buôn sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt.

5 Thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi.

6 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

CHI NHÁNH

Công ty có chi nhánh trực thuộc với hoạt động kinh doanh chính là bán và giới thiệu sản phẩm: Chi nhánh Hà Nội: Số 29 Cát Linh – Q. Đống Đa – TP. Hà Nội

7 Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ.

Bán lẻ sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt.

8 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

Trừ bán buôn phải có chứng chỉ hành nghề

9 Bán buôn thuốc thú y.

10 Bán buôn hóa chất tẩy rửa máy móc.

11 Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ.

Sản xuất phân vi sinh

12 Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò.

- ◆ Chăn nuôi bò sữa, bò thịt.
- ◆ Chọn lọc, nhân giống và phát triển đàn bò sữa quốc gia.
- ◆ Sản xuất và cung ứng giống bò.
- ◆ Kinh doanh, xuất nhập khẩu con giống, vật tư, nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi, thiết bị và phụ tùng máy móc, hương liệu, các sản phẩm từ sữa, bao bì phục vụ chăn nuôi và chế biến.



Cao nguyên Mộc Châu nằm cách thủ đô Hà Nội gần 200km về phía Tây Bắc, được thiên nhiên ưu đãi ban tặng đất đai màu mỡ, khí hậu quanh năm trong lành mát mẻ. Theo nhiều chuyên gia chăn nuôi đánh giá, cùng với Đà Lạt, Mộc Châu là vùng đất hiếm hoi tại Việt Nam có khí hậu ôn đới, phù hợp nhất để phát triển đàn bò sữa quy mô lớn.

Không chỉ có vùng thảo nguyên xanh với những đồi cỏ xanh mướt, khi nhắc đến vùng đất Mộc Châu còn phải kể đến những nông trại bò sữa có quy mô lớn được vận hành theo quy chuẩn quốc tế, với sự tận tụy chăm chỉ của những người nông dân chăn bò nơi đây. Từ năm 1987 – 1988, khi chuyển đổi từ mô hình chăn nuôi tập trung sang mô hình khoán hộ đến người chăn nuôi bò sữa, đàn bò của Mộc Châu Milk đã phát triển không ngừng, đến nay đã đạt hơn 24.500 con, năng suất bình quân đạt ~27 lít sữa/con/ngày. Toàn bộ sữa vắt ra từ đàn bò được Mộc Châu Milk kiểm nghiệm, thu mua tại 21 trung tâm thu mua sữa trên toàn khu vực chăn nuôi và đi thẳng về nhà máy sản xuất đóng gói, cho ra những sản phẩm sữa tươi sạch Mộc Châu Milk nay đã trở thành sản phẩm quen thuộc với người tiêu dùng cả nước.

Những trang trại bò sữa đạt tiêu chuẩn quốc tế

Kể từ sau khi chuyển đổi từ mô hình chăn nuôi tập trung sang mô hình khoán hộ, số hộ nông dân liên kết chăn nuôi bò sữa đã phát triển nhanh chóng, đến nay đã đạt ~600 hộ chăn nuôi với quy mô từ vài chục con đến hàng trăm con mỗi hộ. Tất cả hộ chăn nuôi của Mộc Châu Milk đều được trang bị máy móc thiết bị đồng bộ và hiện đại như: máy cắt cỏ, máy cày bừa, máy băm cỏ, máy vắt sữa... Phân bón sau khi thu dọn được Mộc Châu Milk xử lý tự động nhằm đảm bảo môi trường xanh sạch và phục vụ cho việc trồng ngô cỏ, làm thức ăn cho bò.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Mộc Châu Milk đã vinh dự được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý như Quả cầu bạc, giải thưởng Chất lượng cao Việt Nam 2001, giải Sao vàng đất Việt năm 2003 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, giải Cúp Sen Vàng cùng nhiều huy chương vàng, bạc, giấy khen khác dành cho các sản phẩm sữa và chế biến từ sữa.

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN



Diện tích đất nông nghiệp phục vụ chăn nuôi

4.000ha



Trên 1000 ha được giao cho các hộ

CHĂN NUÔI

Đàn bò Mộc Châu Milk

25.935 con



Tăng trưởng đều đặn



Quy mô trung bình đàn bò của 1 hộ dân



Sản lượng sữa trung bình của 1 con bò đang vắt sữa

25 lít /ngày

SẢN XUẤT SỮA

Tổng sản lượng năm 2020



> 72.000 tấn

Tiêu chuẩn: 9001:2008 HACCP 2008



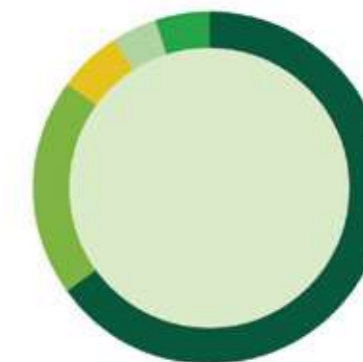
2 Nhà máy chế biến và đóng gói

Công suất đạt

~200 tấn sữa /ngày

CƠ CẤU SẢN PHẨM

- UHT
- Sữa chua ăn
- Sữa chua uống
- Sữa thanh trùng
- Khác



100%

Từ sữa tươi nguyên chất

Tiêu chuẩn TCVN ISO 2200:2007 ISO 22000:2005

4. CÁC SẢN PHẨM CỦA MỘC CHÂU MILK

SỮA TƯƠI THANH TRÙNG



Sữa tươi thanh trùng có đường hộp giấy



Sữa tươi thanh trùng không đường hộp giấy



Sữa tươi thanh trùng không đường chai nhựa



Sữa tươi thanh trùng ít béo



Sữa tươi thanh trùng có đường chai nhựa

Sữa tươi thanh trùng mộc châu milk

100% từ sữa bò tươi nguyên chất



Sữa tươi tiệt trùng ít đường



SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG



Sữa tươi tiệt trùng đại mạch



Sữa tươi tiệt trùng có đường



Sữa tươi tiệt trùng ít đường



Sữa tươi tiệt trùng socola



Sữa tươi tiệt trùng cam



Sữa tươi tiệt trùng dừa



Sữa tươi tiệt trùng dâu



Sữa tươi tiệt trùng không đường



Sữa tươi tiệt trùng chuối

SỮA CHUA ĂN



Sữa chua pho mai



Sữa chua không đường



Sữa chua nếp cẩm



Sữa chua có đường



Sữa chua nha đam



Sữa chua hoa quả

Sữa chua nếp cẩm

MÓN QUÀ QUÝ GIÁ TỪ THẢO NGUYÊN



SỮA-TRÁI CÂY

MC KIDZ

**VỊ THƠM NGON
TRÀN NĂNG LƯỢNG**



SẢN
PHẨM
MỚI

SỮA CHUA UỐNG



Sữa chua uống dâu



Sữa chua uống cam



Sữa chua uống ổi

CÁC SẢN PHẨM KHÁC TỪ SỮA



Bánh sữa hộp vàng



Bánh sữa hộp xanh



Bánh sữa Cacao



Phomai



Váng sữa



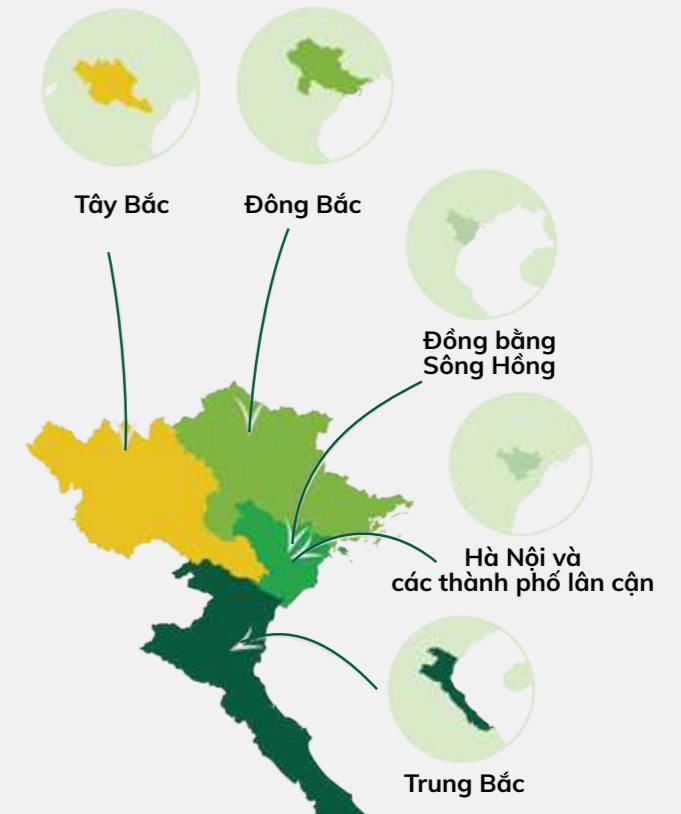
MC Kidz

CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG VÀ KHÉP KÍN CỦA MỘC CHÂU MILK



THỊ TRƯỜNG

Thị trường chính của MCM



5. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Mang khát vọng chiếm lĩnh thị trường sữa Việt, bằng tình yêu và tâm huyết với quê hương, bằng sự đầu tư nghiêm túc và chiến lược bài bản, Mộc Châu Milk phấn đấu trở thành thương hiệu số 1 tại Việt Nam, được nhà nhà tin dùng, người người ưa chuộng.

SỨ MỆNH

Mộc Châu Milk đã và đang trao những sản phẩm chất lượng nhất, thơm ngon tươi sạch nhất của quê hương Mộc Châu – Sơn La đến tận tay con người Việt Nam. Với thông điệp “Thảo nguyên xanh – Sữa mát lành”, Mộc Châu Milk đang góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, thể chất và trí tuệ Việt Nam.

TRIẾT LÝ CỐT LÕI

01

Nguyên chất sữa tươi

Mộc Châu Milk tự hào với các sản phẩm được sản xuất 100% từ nguồn sữa tươi của quê hương Mộc Châu – Sơn La an toàn, tin cậy và giàu dinh dưỡng.

02

Niềm tin

Mộc Châu Milk được xây dựng và phát triển bằng niềm tin về chất lượng của người tiêu dùng và sự nghiêm túc, chân thành với đối tác.

03

Phát triển bền vững

Từng bước phát triển của Mộc Châu Milk luôn có sự hoạch định và đầu tư tối ưu nhất nhằm đảm bảo lợi ích và tầm vóc của doanh nghiệp.

04

Văn hóa

Tự hào văn hóa doanh nghiệp, văn hóa quê hương, các sản phẩm Mộc Châu Milk là sự gắn kết tinh hoa giữa người nông dân – doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam.

05

Truyền thống, sáng tạo, đổi mới, hiện đại

Mộc Châu Milk không ngừng học hỏi, gạn đục khơi trong để chất lọc tinh túy, tiếp cận KHCN hiện đại nhằm cho ra đời những sản phẩm chất lượng, an toàn, thiên nhiên nhất.

06

Thân thiện với môi trường

Bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại, Mộc Châu Milk cam kết tạo ra môi trường sản xuất – tiêu dùng xanh, Organic.

6. SỰ KIẾN TIÊU BIỂU

6.1. NỖ LỰC TRONG TỪNG SẢN PHẨM MỘC CHÂU MILK

Hơn 62 năm làm sữa vì cộng đồng, câu chuyện sữa tươi nguyên chất đang được Mộc Châu Milk từng bước nâng lên tầm cao mới, không chỉ bảo toàn vẹn nguyên những dưỡng chất tinh túy từ thiên nhiên, mà còn đảm bảo nguồn sữa tốt hơn cho sức khỏe người tiêu dùng. Nhờ không ngừng nỗ lực đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm, trong năm 2020, Mộc Châu Milk ra mắt thị trường thêm nhiều sản phẩm mới như: sữa tươi tiệt trùng bịch giấy, sữa trái cây McKidz và sữa chua ăn McKool... Chính sự nhạy bén trong việc nắm bắt nhu cầu thị trường, bằng công nghệ sản xuất hiện đại theo quy trình khép kín đạt tiêu chuẩn quốc tế, Mộc Châu Milk tự hào tạo ra các sản phẩm chất lượng với nguồn dinh dưỡng giá trị và mức giá hợp lý, ghi dấu ấn đậm nét và được rất nhiều khách hàng tin yêu.



MC Kidz – Sữa trái cây dành cho bé

Sữa trái cây MC Kidz được làm từ nguồn sữa tươi mát lạnh bổ dưỡng và nước trái cây tự nhiên thơm ngon, cung cấp đầy đủ vitamin, canxi và khoáng chất, mang lại nguồn năng lượng hứng khởi cho bé yêu mỗi ngày.

Bịch giấy mới: Dung tích lớn hơn, tiết kiệm hơn

Để đáp ứng nhu cầu lựa chọn sản phẩm chất lượng với mức giá phải chăng của người tiêu dùng, tuy nhiên trong thời buổi “bão giá”, nhiều bà mẹ thường phải cân nhắc rất lâu hoặc đợi đến dịp khuyến mãi mới có thể mua được những mặt hàng ngon, sạch, lành như mong muốn. Thấu hiểu điều này, tháng 9-2020, Mộc Châu Milk ra mắt sản phẩm Sữa tươi tiệt trùng bịch giấy 220ml mới, đáp ứng đủ hai tiêu chí: Chất lượng đảm bảo và giá thành tiết kiệm, giúp người tiêu dùng không còn lăn tăn khi lựa chọn.

Ngay thời điểm ra mắt, Sữa tươi tiệt trùng bịch giấy lập tức tạo được ấn tượng tốt đẹp với người tiêu dùng bởi dung tích lên tới 220ml nhưng giá thành lại vô cùng hợp lý: Tiết kiệm hơn 22% (so với sản phẩm Sữa tươi tiệt trùng hộp 180ml). Sản phẩm mới có hai hương vị Không đường và Có đường để người tiêu dùng lựa chọn theo khẩu vị yêu thích. Bên cạnh đó, sản phẩm Sữa tươi tiệt trùng bịch giấy sử dụng bao bì 6 lớp đạt tiêu chuẩn quốc tế của Tetra Pak (Thụy Điển) nhằm mục đích giữ trọn vẹn dinh dưỡng và hương vị thơm ngon của sữa tươi mà không cần sử dụng chất bảo quản. Nhờ bao bì chuyên dụng này, sản phẩm có thể bảo quản ở nhiệt độ thường trong vòng 6 tháng kể từ ngày sản xuất, không cần phải bảo quản lạnh. Với việc tung ra sản phẩm Sữa tươi tiệt trùng bịch giấy mới, thương hiệu mong muốn giúp người tiêu dùng dễ dàng tiếp cận nguồn sữa tươi chất lượng cao của Mộc Châu, vừa tiện lợi trong việc sử dụng, vận chuyển, lại vừa tiết kiệm chi tiêu với mức giá hợp lý.



6.2. MỘC CHÂU MILK VÌ SỨC KHOẺ TRẺ THƠ

Năm 2020, hành trình hơn 10 năm theo đuổi chiến lược “Mộc châu milk vì sức khỏe trẻ thơ”, nỗ lực cải thiện tầm vóc trẻ em Việt của Mộc Châu Milk. Đến nay, hơn 3.000 trẻ thuộc các trường mầm non tại huyện Mộc Châu và Vân Hồ được uống sữa miễn phí liên tục nhiều năm. Kết quả đánh giá chỉ số cân đo của các trường uống sữa học đường cho thấy, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng chiều cao và cân nặng đã giảm hẳn so với thời điểm 2008. Trong đó, tỷ lệ các hộ dân cho con em đi học tăng lên, thầy cô giáo không còn phải đến từng nhà vận động như xưa. Số trẻ em đến trường năm sau luôn đông hơn năm trước. Những kết quả tích cực này là động lực giúp Mộc Châu Milk tiếp tục hành trình chấp cánh ước mơ cho những hạt mầm bé nhỏ nơi cao nguyên.

Chi phí dành riêng cho chiến dịch “Mộc châu milk vì sức khỏe trẻ thơ” năm 2020 khoảng 2,1 tỷ đồng.





6.3. MỘC CHÂU MILK CHÍNH THỨC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SÀN UPCOM

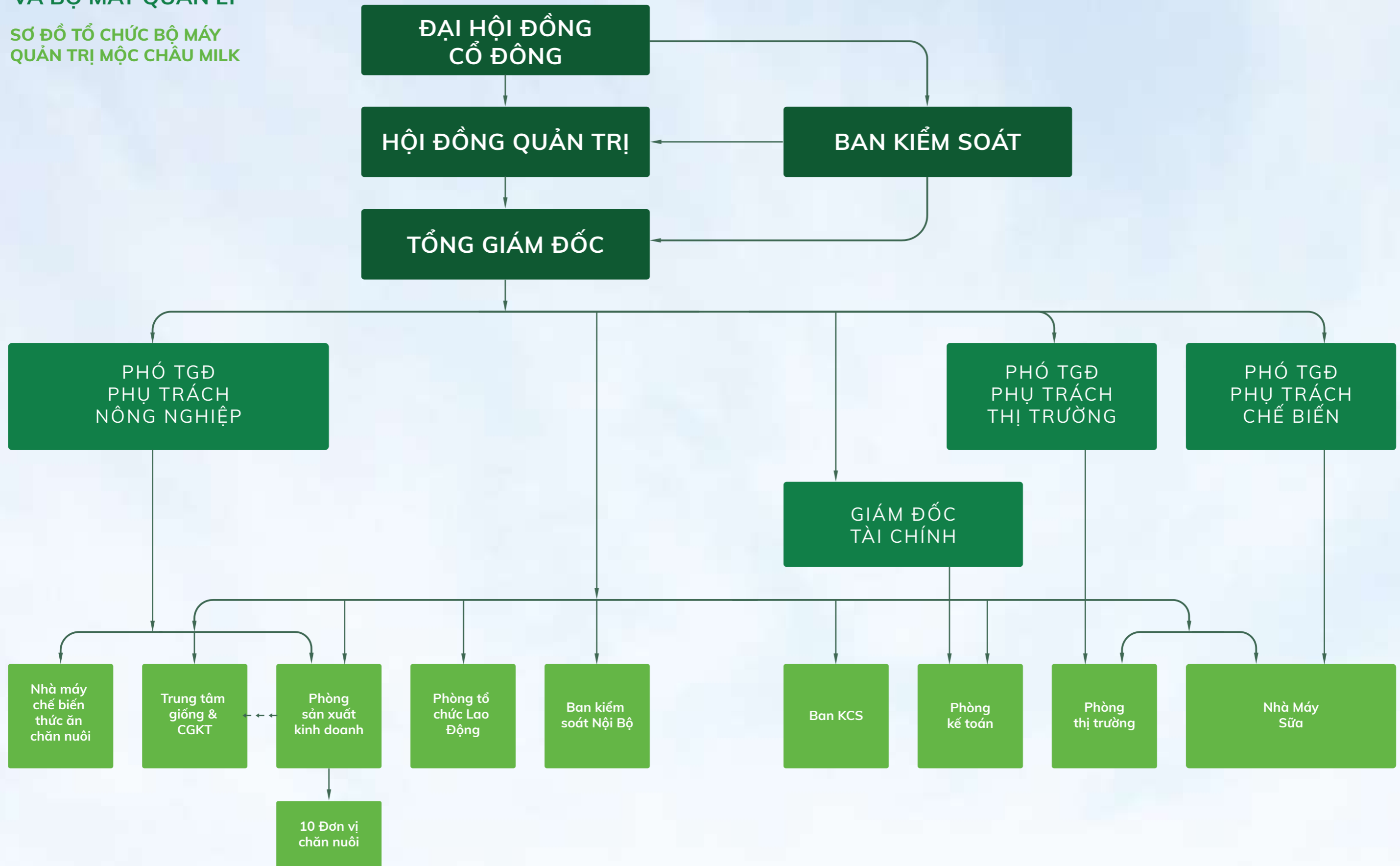
Ngày 18-12, tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk) đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCOM. Như vậy, tại thời điểm này, trong ngành sữa chỉ có 02 công ty của Việt Nam chính thức giao dịch trên sàn là Vinamilk (mã chứng khoán: VNM) và Mộc Châu Milk (mã chứng khoán: MCM).

Sự kiện cổ phiếu MCM chính thức lên sàn giao dịch cũng cho thấy sự quyết tâm cao và cam kết của Vinamilk trong việc phát triển Mộc Châu Milk song hành cùng với Vinamilk theo phương châm công khai, minh bạch trong quá trình hoạt động. Những kết quả tích cực của Mộc Châu Milk sau gần một năm đã cho thấy rõ nét hơn về chiến lược M&A thành công của Vinamilk xuất phát từ sự đồng thuận, hợp tác cùng phát triển và gia tăng giá trị kinh tế cho tất cả cổ đông cũng như các bên liên quan.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Phạm Hải Nam, TGD Mộc Châu Milk cho biết: “Việc chính thức niêm yết giao dịch cổ phiếu là một sự kiện quan trọng đánh dấu sự trưởng thành về kinh doanh và quản trị công ty. Chỉ trong gần một năm với sự tham gia của Vinamilk, Mộc Châu Milk đã ngày càng hoàn thiện với các mô hình tiên tiến về quản trị công ty, thực hành theo các thông lệ của Việt Nam và quốc tế. Có thể nói, đây là kết quả của sự phấn đấu bền bỉ, kiên định với mục tiêu xây dựng công ty theo hướng công khai minh bạch và phát triển bền vững, toàn diện”.

7. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN TRỊ MỘC CHÂU MILK



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- ◆ Chứng chỉ Quản lý Kinh tế, Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Nga.
- ◆ Chứng chỉ Quản lý Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.
- ◆ Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, Đại học Công nghiệp Chế biến thịt và sữa, Moscow, Nga.
- ◆ Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.



KINH NGHIỆM

- ◆ Bà có hơn 28 năm kinh nghiệm trong vai trò Tổng Giám đốc Vinamilk (từ 1992 đến nay), lãnh đạo Vinamilk qua nhiều thời kỳ. Trong suốt quá trình đó, bà đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế như Huân chương lao động Hạng Nhất do Nhà nước trao tặng (2006); 4 lần được Forbes bình chọn là Một trong 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á (2012 – 2015); giải thưởng Nhà quản trị doanh nghiệp xuất sắc (2014) do Corporate Governance Asia bình chọn; giải thưởng Nikkei, giải New Zealand Asia cho những đóng góp của bà; giải thưởng “Thành tựu trọn đời” do Forbes lần đầu vinh danh (2018).
- ◆ Trước đó, bà có hơn 8 năm công tác (1984 – 1992) với vị trí Phó Tổng Giám đốc Vinamilk, phụ trách lĩnh vực kinh tế.
- ◆ Từ năm 1976 đến năm 1983, bà trải qua các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật – nhà máy sữa Thống Nhất năm 1982.

CHỨC VỤ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

- ◆ Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
- ◆ Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.
- ◆ Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holding Corporation.
- ◆ Đại diện chủ sở hữu, Vinamilk Europe Spółka Z Organ - iczona Odpowiedzialnoscia.
- ◆ Chủ tịch HĐQT, Lao-Jagro Development Xiengkhuang Co, Ltd.
- ◆ Thành viên HĐQT, Miraka Holdings Limited
- ◆ Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần GTNfoods (GTN)
- ◆ Chủ tịch HĐQT, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (Vilico)

ÔNG PHẠM HẢI NAM

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Giám Đốc

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư chăn nuôi



KINH NGHIỆM

Ông Nam vào làm việc tại Mộc Châu Milk từ Tháng 10/1992, có hơn 28 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành sữa, từng trải qua nhiều bộ phận và vị trí khác nhau của công ty: Kỹ sư chăn nuôi (Phòng Sản xuất kinh doanh), Trưởng phòng sản xuất kinh doanh, Phó Giám đốc Trung tâm Giống và chuyển giao kỹ thuật; Giám đốc Trung tâm Giống và chuyển giao kỹ thuật, Phó Tổng Giám đốc công ty. Kể từ Tháng 2/2020, Ông Nam chính thức được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám Đốc của Mộc Châu Milk.

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG
Thành viên Hội đồng Quản trị

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư Năng lượng và tự động hóa, Đại học Bách khoa Odessa, Liên Xô cũ (năm 1985).

KINH NGHIỆM

- ♦ Từ tháng 2 năm 2020, ông được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc của GTNfoods.
- ♦ Từ năm 2014 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu của Vinamilk.
- ♦ Trong 10 năm tại Vinamilk (2005 – 2014), ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc tại các nhà máy khác nhau của Vinamilk, như Nhà máy sữa Nghệ An, Nhà máy sữa Việt Nam.
- ♦ Trước khi gia nhập Vinamilk, ông làm Giám đốc Trung tâm tư vấn dịch vụ đầu tư công nghiệp Điện trong 6 năm (1998 – 2005).
- ♦ Từ năm 1987 đến năm 1998, ông từng công tác ở các vị trí khác nhau tại các doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước, tiêu biểu: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Nghệ Tĩnh (nay là Nghệ An và Hà Tĩnh).

CHỨC VỤ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

- ♦ Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam (1).
- ♦ Tổng Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh (1).
- ♦ Thành viên HĐQT, Lao-Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.
- ♦ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần GTNfoods (GTN)
- ♦ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (Vilico)



ÔNG PHAN MINH TIÊN
Thành viên Hội đồng Quản trị

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân, Học viện Quản lý Moscow, Nga.

KINH NGHIỆM

- ♦ Từ tháng 12/2018, ông được ủy quyền kiêm nhiệm điều hành Khối Kinh doanh Nội Địa.
- ♦ Từ tháng 05/2014 đến nay, ông là Giám đốc điều hành Marketing, Vinamilk.
- ♦ Trước khi gia nhập Vinamilk, ông có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing, xây dựng các thương hiệu hàng đầu và nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao tại các công ty đa quốc gia: • Giám đốc Marketing – Samsung Việt Nam (2013 - 2014). • Phó Tổng Giám đốc phụ trách ngành Thực phẩm – Unilever Việt Nam (2008 - 2013). • Trước đó ông trải qua nhiều vị trí quản lý Marketing và Kinh Doanh tại Unilever Việt Nam (1996 - 2008).

CHỨC VỤ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

- ♦ Thành viên HĐQT của CTCP Dược Hậu Giang
- ♦ Giám đốc Điều hành Marketing, kiêm điều hành Khối Kinh doanh Nội Địa, CTCP Sữa Việt Nam (Vinamilk)

(1) Công ty con 100% vốn của Vinamilk



ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN
Thành viên Hội đồng Quản trị

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư Hóa thực phẩm

KINH NGHIỆM

Ông Tuấn có hơn 22 năm kinh nghiệm làm việc tại nhà máy sữa. Ông đã làm việc ở nhiều bộ phận và các vị trí khác nhau của nhà máy: Ban KCS, Kỹ thuật xử lý chế biến sữa, Trưởng ban công nghệ, Xưởng phó Xưởng UHT, Trưởng ban ISO, Phó Giám đốc nhà máy sữa, Giám đốc nhà máy sữa của Mộc Châu Milk.

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY

Thành viên HĐQT, Giám đốc nhà máy sữa, Trưởng ban công nghệ

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG TRẦN NGỌC DUY

Trưởng Ban kiểm soát

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kinh tế

KINH NGHIỆM

- ◆ Từ năm 2016 đến nay : Trưởng ban kiểm soát hệ thống - Phòng Kiểm soát nội bộ & quản lý rủi ro, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
- ◆ Từ năm 2015 đến năm 2016 : Trưởng ban Điều phối dự án – Phòng Hoạch định chiến lược, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- ◆ Từ năm 2011 đến năm 2015 : Trưởng ban Tài chính dự án – Khối Dự án, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
- ◆ Từ năm 2011 đến năm 2013 : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Sữa Dielac (100% vốn của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam)
- ◆ Từ năm 2006 – 2011 : Chuyên viên kế toán giá thành tại Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

CHỨC VỤ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Trưởng ban kiểm soát hệ thống - Phòng Kiểm soát nội bộ & quản lý rủi ro của Vinamilk



ÔNG TRỊNH CÔNG SƠN

Thành viên BKS

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kinh tế, chứng chỉ Kiểm toán viên

KINH NGHIỆM

- ◆ Từ 16/02/2020 đến nay : Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
- ◆ Từ 2017 – 15/02/2020 : Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- ◆ Từ năm 2014 – 2017 : Trưởng nhóm kiểm toán công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CHỨC VỤ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC Vinamilk



ÔNG PHẠM QUANG THÙY

Thành viên BKS

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân kinh tế

KINH NGHIỆM

Ông Thùy làm việc tại Mộc Châu Milk từ năm 2010 – nay. Ông là một trong những thành viên hoạt động chủ chốt của Văn phòng Đảng ủy công ty, hiện tại ông là Phó bí thư Thường trực Đảng ủy Mộc Châu Milk. Với nhiều năm kinh trong ngành chế biến, đặc biệt chế biến thức ăn chăn nuôi, ông hiện được bổ nhiệm làm Giám đốc nhà máy thức ăn chăn nuôi. Trước khi đến với Mộc Châu Milk, ông Thùy đã có 25 năm làm việc tại Công ty chè Mộc Châu.

CHỨC VỤ HIỆN TẠI

Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Nhà máy Chế biến Thức ăn Chăn nuôi, Phó bí thư Thường trực Đảng ủy của Mộc Châu Milk

QUYỀN KẾ TOÁN TRƯỞNG



ÔNG NGUYỄN ANH TÚ

Quyền Kế toán trưởng

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân kinh tế

KINH NGHIỆM

Ông Tú có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán. Vào làm việc tại Phòng kế toán MCM từ T9/2000, Ông Tú từng đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau của phòng. Hiện tại, ông Tú giữ chức vụ Quyền kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng kế toán của công ty.
- T4/2007-T2/2020: Ông có tham gia vào Ban kiểm soát của Công ty

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG PHẠM TUYÊN

Phó Tổng Giám đốc
phụ trách thị trường

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân kinh tế Ngân hàng – Tài chính; Kỹ thuật trưởng Vô tuyến – Rada máy bay chiến đấu.

KINH NGHIỆM

Ông Tuyên có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc tại Vinamilk, đảm nhiệm các vị trí Giám sát bán hàng, Trưởng vùng bán hàng, Giám đốc Kinh doanh Miền bắc, miền Đông bắc bộ, Miền duyên hải, Trưởng ban Hành chính nhân sự, Trưởng ban phát triển vùng nguyên liệu.

- ♦ T1/2020, ông Phạm Tuyên được bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD phụ trách kinh doanh của Mộc Châu Milk
- ♦ T1/2020- T9/2020: Ông nắm giữ chức vụ Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam- CTCP (Vilico)
- ♦ Trước khi gia nhập ngành sữa, ông từng có 4 năm công tác tại Ban cơ yếu TW – Sỹ quan an ninh (từ năm 1989 đến năm 1992).

CHỨC VỤ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Giám đốc Kinh doanh Nội địa – Vinamilk



ÔNG TRẦN MẠNH THẮNG

Phó Tổng Giám đốc
phụ trách chế biến

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư hóa thực phẩm chuyên ngành sữa, Thạc sỹ công nghệ sinh học.

KINH NGHIỆM

Trước khi gia nhập Mộc Châu Milk, ông Thắng có hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc tại Vinamilk, tham gia vào vị trí quản đốc sản xuất các nhà máy sữa của Vinamilk: Nhà máy sữa Hà Nội, nhà máy sữa Tiên Sơn, ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy sữa Angkormilk thuộc Công ty cổ phần sữa Angkormilk – là thành viên của Công ty cổ phần sữa Việt Nam. Kể từ T2/2020, ông Thắng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách chế biến của Mộc Châu Milk.

CHỨC VỤ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Quản đốc sản xuất tại Nhà máy sữa Tiên Sơn – Vinamilk



ÔNG NGUYỄN SỸ QUANG

Phó Tổng Giám đốc
phụ trách nông nghiệp

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư chăn nuôi – thú y

KINH NGHIỆM

Ông Quang vào làm việc tại Mộc Châu Milk từ năm 1995. Sau khi có 5 năm kinh nghiệm làm cán bộ kỹ thuật, ông bắt đầu làm việc tại Phòng sản xuất kinh doanh kể từ năm 2001. Trong quá trình làm việc, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau từ cán bộ phòng lên phó phòng, Phó giám đốc chi nhánh Hà Nội kiêm phụ trách thị trường, Quyền giám đốc kênh GT. Hiện tại, ông Quang giữ chức vụ Phó tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Sản xuất Kinh doanh của Mộc Châu Milk.

CHỨC VỤ CÔNG TÁC HIỆN NAY

Phó tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Sản xuất Kinh doanh



ÔNG LÊ HUY BÍCH

Giám đốc tài chính

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- ♦ Cử nhân, Chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại Thương (năm 2011)
- ♦ Thạc sỹ, Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Rennes 1, Pháp (năm 2014)
- ♦ Thạc sỹ, Chuyên ngành Tài chính, Đại học Rennes 1, Pháp (năm 2016)

KINH NGHIỆM

- ♦ Từ tháng 1 năm 2020, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Tài chính của Mộc Châu Milk
- ♦ Từ tháng 1 năm 2020, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính tại GTNfoods và Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam
- ♦ Từ năm 2016 tới nay, tại Vinamilk, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau trong bộ phận Tài Chính
- ♦ Trước khi gia nhập Vinamilk, ông đã có kinh nghiệm Kiểm toán tại Công ty TNHH PwC Việt Nam

CHỨC VỤ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC

- ♦ Giám đốc Tài chính, Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP
- ♦ Giám đốc Tài chính, Công ty Cổ phần GTNfoods
- ♦ Thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Công Ty Chè Việt Nam – CTCP
- ♦ Thành viên Hội đồng Thành viên, Công Ty TNHH Phát Triển Chăn Nuôi Peter Hand Hà Nội
- ♦ Thành viên Hội đồng Quản trị, Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và XNK Súc Sản Gia Cầm Hải Phòng
- ♦ Thành viên Hội đồng Quản trị, Công Ty Cổ Phần Phát Triển Giống Gia Súc Miền Trung

8. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



MỞ RỘNG QUY MÔ
CÁC TRANG TRẠI HIỆN HỮU
1600 → 6000
CON CON

ĐƯA **MỘC CHÂU** THÀNH
THỦ PHỦ BÒ SỮA
CÔNG NGHỆ CAO

XÂY DỰNG
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN SỮA MỚI
1.600 tỷ đồng
TỔNG VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN

KẾT HỢP
NÔNG NGHIỆP VỚI
DU LỊCH SINH THÁI

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Công ty có kế hoạch đầu tư thêm dây chuyền sản xuất sản phẩm sữa tươi hiện đại tại Nhà máy sữa Mộc Châu, mở rộng quy mô đàn bò tại trang trại hiện hữu của Mộc Châu Milk từ 1.600 con lên 6.000 con (bao gồm nâng cấp trang trại hiện hữu lên 2.000 con và đầu tư trang trại bò sữa 4.000 con kết hợp với du lịch sinh thái). Các trang trại được định hướng theo tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý và chăn nuôi bò sữa.

Bên cạnh đó, Công ty đã cùng với Vinamilk xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 hướng đến đưa Mộc Châu, Sơn La thành thủ phủ bò sữa công nghệ cao của Việt Nam, kết hợp nông nghiệp với du lịch sinh thái nhằm tạo công ăn việc làm cho bà con nông dân các dân tộc, phát triển tam nông theo hướng bền vững và đóng góp nguồn thu cho ngân sách địa phương.

Công ty sẽ tiếp tục phát huy những thành công của mô hình liên kết nông hộ, đồng thời hỗ trợ bà con ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất và chất lượng sữa của đàn bò, Công ty định hướng phát triển các hộ từ 527 lên 700 hộ, đàn bò tăng từ 24.300 con lên 35.000 con. Bên cạnh đó, Mộc Châu Milk sẽ phát triển một tổ hợp dự án trang trại bò sữa công nghệ cao, đạt chuẩn quốc tế, kết hợp du lịch sinh thái. Đồng thời, quy hoạch xây dựng một nhà máy chế biến sữa mới hiện đại trên cao nguyên Mộc Châu với tổng vốn đầu tư dự kiến hơn 1.600 tỷ đồng.

Các hoạch định chiến lược này được kỳ vọng sẽ tối đa hóa tiềm năng của Mộc Châu Milk cũng như của cao nguyên Mộc Châu, Sơn La về chăn nuôi bò sữa, từ đó, hình thành vùng nguyên liệu sữa chuẩn quốc tế, mang đến cho người tiêu dùng trong và ngoài nước nhiều sản phẩm chất lượng.

9. CÁC RỦI RO

Trong lĩnh vực kinh doanh sữa đóng hộp, chăn nuôi bò sữa, sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi, Mộc Châu Milk luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro đặc thù của ngành như: rủi ro thời tiết, thiên tai, rủi ro dịch bệnh, rủi ro về con giống, rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm, rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào, ...

RỦI RO VỀ THIÊN TAI, THỜI TIẾT

Mộc Châu là một trong những vùng đất được thiên nhiên ưu ái, khí hậu ôn đới phù hợp để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là phát triển đàn bò sữa, tuy nhiên, hiện tượng biến đổi khí hậu khiến thời tiết ngày càng khắc nghiệt cũng phần nào ảnh hưởng đến vật nuôi và cây trồng tại đây

RỦI RO VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Sản phẩm sữa mang lại sức khỏe tốt cho người tiêu dùng. Do đó, chất lượng sản phẩm là yếu tố sống còn mà doanh nghiệp luôn duy trì và cam kết với trách nhiệm cao nhất cho người tiêu dùng. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm ở mức cao nhất, Công ty luôn sử dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến trên thế giới, áp dụng các quy trình sản xuất hiện đại và kiểm soát chất lượng chặt chẽ nhất. Công ty đã đạt được Chứng chỉ ISO 2000 về Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm. Mục tiêu là giảm thiểu tối đa rủi ro về chất lượng sản phẩm có thể gặp phải..

RỦI RO CẠNH TRANH TRONG NGÀNH

Công ty đang phải chịu áp lực cạnh tranh rất lớn từ các công ty sữa trong ngành trong nước và các thương hiệu quốc tế. Đặc biệt là khi các hiệp định thương mại song phương và đa phương đã có hiệu lực hoặc có hiệu lực trong thời gian tới cũng sẽ làm cho các sản phẩm sữa nhập khẩu có giá thành thấp hơn và họ sẽ có lợi thế cạnh tranh lớn hơn. Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/08/2020, “làn sóng” sữa từ EU sẽ tràn vào Việt Nam gây ra một sức ép rất lớn cho các doanh nghiệp nội địa. Dù EU xóa bỏ toàn bộ thuế quan lên các sản phẩm sữa của Việt Nam, nhưng các doanh nghiệp sữa của Việt Nam gần như không được hưởng lợi gì do EU vẫn chưa cấp phép nhập khẩu sữa có xuất xứ từ Việt Nam.

Quy mô của Công ty hiện nay cũng còn tương đối nhỏ nên áp lực về cạnh tranh sẽ rất lớn. Tuy nhiên, Công ty đã có kế hoạch đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu sữa tươi trong nước như đầu tư mới trang trại bò sữa công nghệ cao và đầu tư phát triển thương hiệu có hiệu quả để tạo sức mạnh và sức bật cho Công ty trong ngắn hạn và dài hạn.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty là sữa tươi từ các trang trại bò sữa của Công ty và sữa tươi thu mua từ nông dân nuôi bò sữa. Do đó, rủi ro có thể phát sinh là chi phí của nguyên vật liệu đầu vào có thể tăng lên do biến động của yếu tố kinh tế và lạm phát nói chung hoặc do nguồn thu mua sữa tươi trong nước không đáp ứng kịp nhu cầu tăng trưởng của thị trường dẫn đến thiếu hụt nguồn nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất. Để giảm bớt các rủi ro này, Công ty đã có kế hoạch đầu tư mới trang trại bò sữa và hỗ trợ cho nông dân để phát triển đàn bò, nâng cao năng suất cho sữa và kiểm soát chi phí để hạ giá thành sữa. Đây luôn được xem là chiến lược dài hạn của Công ty.

RỦI RO VỀ VIỆC THAY ĐỔI XU HƯỚNG TIÊU DÙNG

Thứ nhất, thị trường tăng tiêu thụ sữa thực vật. Được biết, sữa đậu nành và sữa lúa mạch được coi là lựa chọn thay thế tốt nhất cho sữa bò, nhờ hàm lượng protein cao. Theo Nielsen, tổng giá trị tiêu thụ sữa đậu nành có thương hiệu tăng 13% trong 10 tháng đầu và tăng trưởng doanh thu của Vinasoy đạt 15% sau 9 tháng đầu năm 2019.

Thứ hai, mức chi tiêu cho các mặt hàng tiêu dùng nhanh của người tiêu dùng Việt Nam nói chung bắt đầu chững lại khi đã đáp ứng đủ các nhu cầu cơ bản. Thay vào đó, người tiêu dùng thường chuyển sang chi tiêu theo sở thích để thỏa mãn các nhu cầu cao hơn (như là ăn/uống bên ngoài) và chi tiêu cho các mặt hàng không thiết yếu nhằm mục đích chung là nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong khi nhu cầu sữa ở thị trường thành thị dường như đã bão hòa, tiêu thụ ở thị trường nông thôn lại biến động lớn do tăng phụ thuộc vào giá mặt hàng nông nghiệp, tùy vào mức thu nhập khả dụng tại thị trường này quyết định mức chi tiêu cho các sản phẩm tiêu dùng nhanh.

Đánh giá chung, SSI Research ước tính các xu hướng mang tính cấu trúc kể trên sẽ tiếp diễn, giúp tác động hơn nữa đến ngành sữa Việt Nam. Các sản phẩm tiêu thụ ngày càng tăng bao gồm sữa tươi, sữa chua (đặc biệt là sữa chua uống) và các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như phô mai, trong khi nhu cầu về sữa công thức tiêu chuẩn và sữa đặc có thể tiếp tục ảm đạm.

Với các rủi ro trong việc thay đổi xu hướng tiêu dùng, ban lãnh đạo Công ty đã linh hoạt ứng phó, thực hiện nghiên cứu thị trường một cách bài bản và xây dựng các chiến lược đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu dùng trong tương lai.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

Phần II.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2020 ĐHĐCĐ PHÊ DUYỆT

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020	% tăng/(giảm)	% hoàn thành kế hoạch
1	Doanh thu thuần	2.823	2.905	(2,8%)	97%
2	Lợi nhuận trước thuế	297,6	197	51,0%	151%
3	Lợi nhuận sau thuế	280,7	157	78,4%	179%

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2019

Đơn vị tính: tỷ đồng

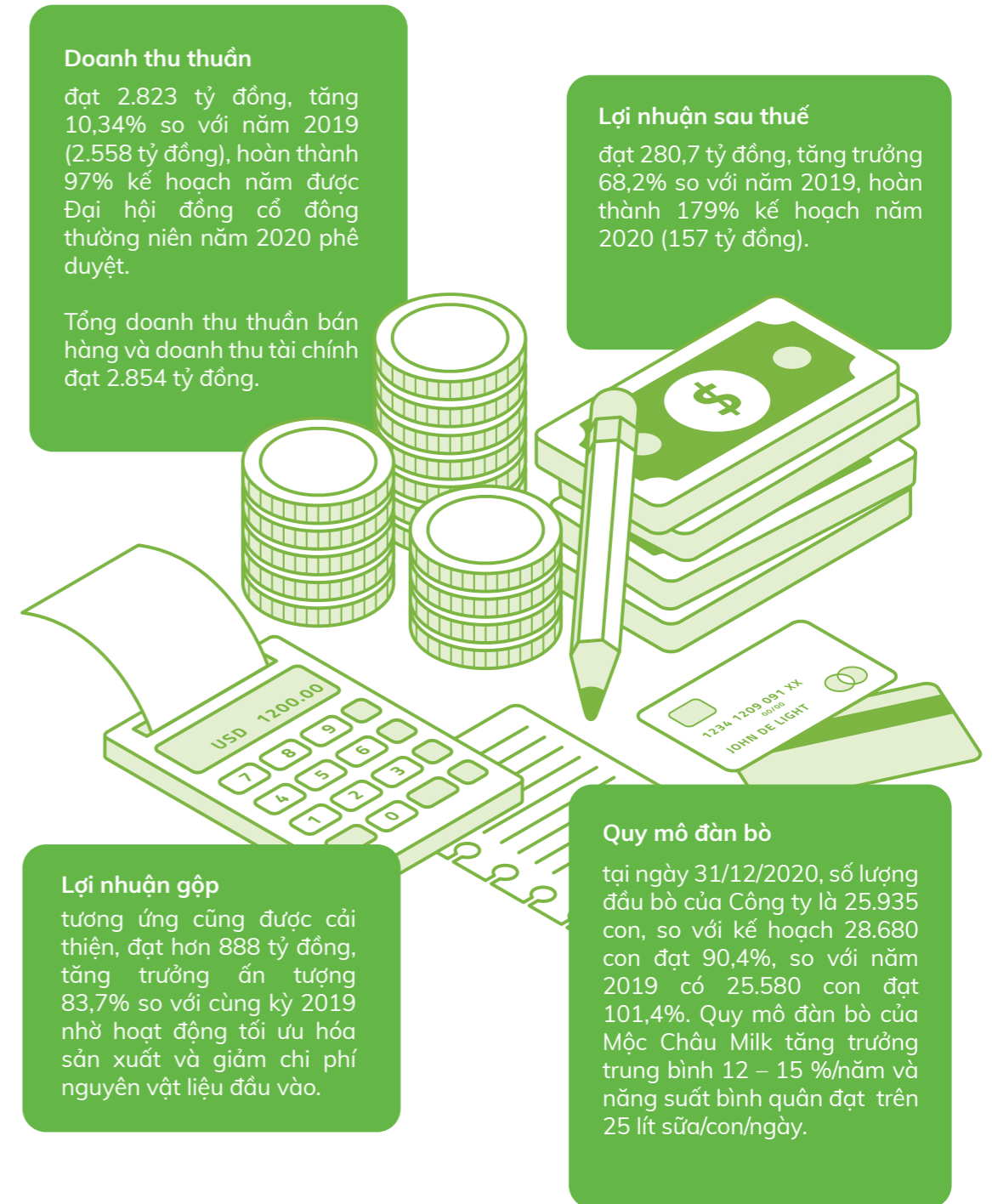
STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	% tăng/(giảm)
1	Doanh thu thuần	2.823	2.558	10,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	297,6	186	60,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	280,7	167	68,2%

Năm 2020, dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ đến nhu cầu sữa toàn cầu nói chung và ngành sữa Việt Nam nói riêng. Người dân có xu hướng tăng cường sử dụng sữa tươi và sữa chua để tăng khả năng miễn dịch trong thời kỳ dịch bệnh, tuy nhiên, các công ty thuộc ngành này cũng chịu ảnh hưởng bởi các trường học trên toàn quốc phải đóng cửa gần 03 tháng, trẻ em học sinh học tập dưới hình thức trực tuyến tại nhà. Nhìn chung, khi so sánh mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh tới các ngành hàng FMCG tại Việt Nam trong năm qua thì ngành sữa được coi là thị trường chịu ảnh hưởng ít nhất. Vì vậy, các doanh nghiệp ngành sữa cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong năm, nhiều đối thủ gia nhập thị trường đầu tư lớn mở rộng diện tích vùng cung cấp nguyên liệu, các hãng sữa vừa và nhỏ tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, liên tục tung các sản phẩm mới ra thị trường,...

Trước tình hình cạnh tranh khốc liệt như vậy, Mộc Châu Milk vẫn giữ vững thị phần, kết quả kinh doanh năm 2020 khả quan, cho thấy mức tăng trưởng rõ rệt so với cùng kỳ năm 2019. Trong năm, Công ty tập trung triển khai các giải pháp kinh doanh tích cực và hiệu quả như:

- ◆ Kiểm soát tốt hơn chi phí chi phí bán hàng;
- ◆ Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất;
- ◆ Thay đổi chính sách bán hàng theo hướng phù hợp hơn và hiệu quả hơn;
- ◆ Sắp xếp lại lực lượng bán hàng, làm tốt công tác chăm sóc khách hàng;
- ◆ Chú trọng đầu tư vào nhận diện thương hiệu, phát triển vùng nguyên liệu, và kênh phân phối hàng hóa;...

Kết quả hoạt động đáng ghi nhận trong năm 2020 công ty đã đạt được như sau:



Với kết quả này cho thấy Mộc Châu Milk vẫn luôn bám sát chiến lược phát triển của Công ty, từng bước gạt hái những thành công trên con đường khẳng định vị thế tại thị trường sữa Việt.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Thông tin về các nhân sự Ban Điều hành đã được trình bày ở Phần 5- Chương 1, mục Ban Tổng Giám đốc



Ông PHẠM HẢI NAM
Thành viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc



Ông PHẠM TUYÊN
Phó Tổng Giám đốc phụ trách thị trường



Ông TRẦN MẠNH THẮNG
Phó TGD Phụ trách Chế biến



Ông NGUYỄN SỸ QUANG
Phó TGD Phụ trách Nông nghiệp



Ông LÊ HUY BÍCH
Giám đốc tài chính

2.2. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM:



01 Ngày 18/01/2020, HĐQT Ban hành nghị quyết số 30/NQ-HĐQT/GBS/2020 về việc thay đổi TGD công ty

Miễn nhiệm ông Trần Công Chiến thôi giữ chức TGD kể từ 01.02.2020, Bổ nhiệm ông Phạm Hải Nam giữ chức TGD kể từ 01.02.2020

02 Ngày 21/01/2020, HĐQT Ban hành nghị quyết số 34B/NQ-HĐQT/GBS/2020 về việc Miễn nhiệm Phó TGD kiêm Trưởng ban quản lý dự án

Miễn nhiệm ông Trần Xuân Thao thôi giữ chức Phó TGD kiêm Trưởng ban quản lý dự án kể từ 01.02.2020

03 Ngày 24/02/2020, HĐQT Ban hành nghị quyết số 81/NQ-HĐQT/GBS/2020 về việc bổ nhiệm Phó tổng giám đốc phụ trách mảng sản xuất

Bổ nhiệm ông Trần Mạnh Thắng giữ chức Phó TGD phụ trách mảng chế biến kể từ 24/02/2020

04 Ngày 27/02/2020, HĐQT Ban hành nghị quyết số 99/NQ-HĐQT/GBS/2020 về việc bổ nhiệm Phó tổng giám đốc phụ trách mảng nông nghiệp kiêm trưởng phòng Sản xuất kinh doanh

Bổ nhiệm Ông Nguyễn Sỹ Quang giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách mảng Nông nghiệp kiêm Trưởng phòng Sản xuất Kinh doanh của Công ty kể từ 01.03.2020

05 Ngày 08/06/2020, HĐQT Ban hành nghị quyết số 247-NQ/HĐQT/GBS/2020 về việc miễn nhiệm Kế toán trưởng, bổ nhiệm Quyền Kế toán trưởng

Miễn nhiệm Bà Trần Thị Cúc thôi giữ chức Kế toán trưởng kể từ 10.06.2020
Bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Tú giữ chức Quyền Kế toán trưởng kể từ 10.06.2020

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NHÂN SỰ

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 31/12/2020 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 821 người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Tình độ đại học và trên đại học	160	19,49%
Cao đẳng, trung cấp, nghiệp vụ	252	30,69%
Công nhân lao động phổ thông	409	49,82%
Tổng cộng	821	100%



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

a, Chế độ làm việc

Người lao động làm việc trong Công ty đều được Công ty ký kết hợp đồng lao động và được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi đối với người lao động như chế độ làm thêm giờ, chế độ nghỉ lễ, Tết, phép, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ... theo đúng quy định của pháp luật lao động.

Điều kiện làm việc

Đối với lao động gián tiếp	Đối với lao động trực tiếp
Công ty cải tạo trụ sở, các phòng làm việc một cách khoa học, khang trang, rộng rãi, thoáng mát tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp.	Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ cá nhân cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, luôn tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động sản xuất.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Hàng năm Công ty quan tâm đến việc nâng cao trình độ của người lao động và chú trọng vào các hoạt động huấn luyện bồi dưỡng kiến thức về HACCP, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên đào tạo nguồn nhân lực hướng vào việc phát triển kỹ năng về trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng con người, Cập nhật các kỹ năng và kiến thức mới cho nhân viên. Huấn luyện cho nhân viên đưa vào những phương pháp làm việc mới. Cải thiện kiến thức kỹ thuật về công nghệ mới cho nhân viên từ hầu hết người lao động trong toàn Công ty như Công nhân lao động phổ thông tại các đơn vị, Nhà máy, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ đến đào tạo nghiệp vụ kỹ thuật cao đối với Cán bộ quản lý giúp cho CBCNV thực hiện công việc tốt hơn (nâng cao chất lượng và năng suất), ưu tiên khuyến khích học tập, nâng cao kiến thức thỏa mãn nhu cầu phát triển cho các cá nhân. Tạo nên thái độ làm việc đúng đắn, trung thành với tổ chức. Phát huy tính chủ động và tinh thần trách nhiệm của nhân viên. Xây dựng và củng cố nền văn hóa doanh nghiệp.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương và thưởng:	Bảo hiểm và phúc lợi:
Công ty có chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kì, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể căn cứ vào thành tích trong việc thực hiện tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, chất lượng, phương pháp tổ chức sản xuất.	Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

d, Thay đổi chính sách đối với người lao động trong năm 2020

Điều chỉnh tăng mức lương từ 8% -10% cho người lao động của công ty

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

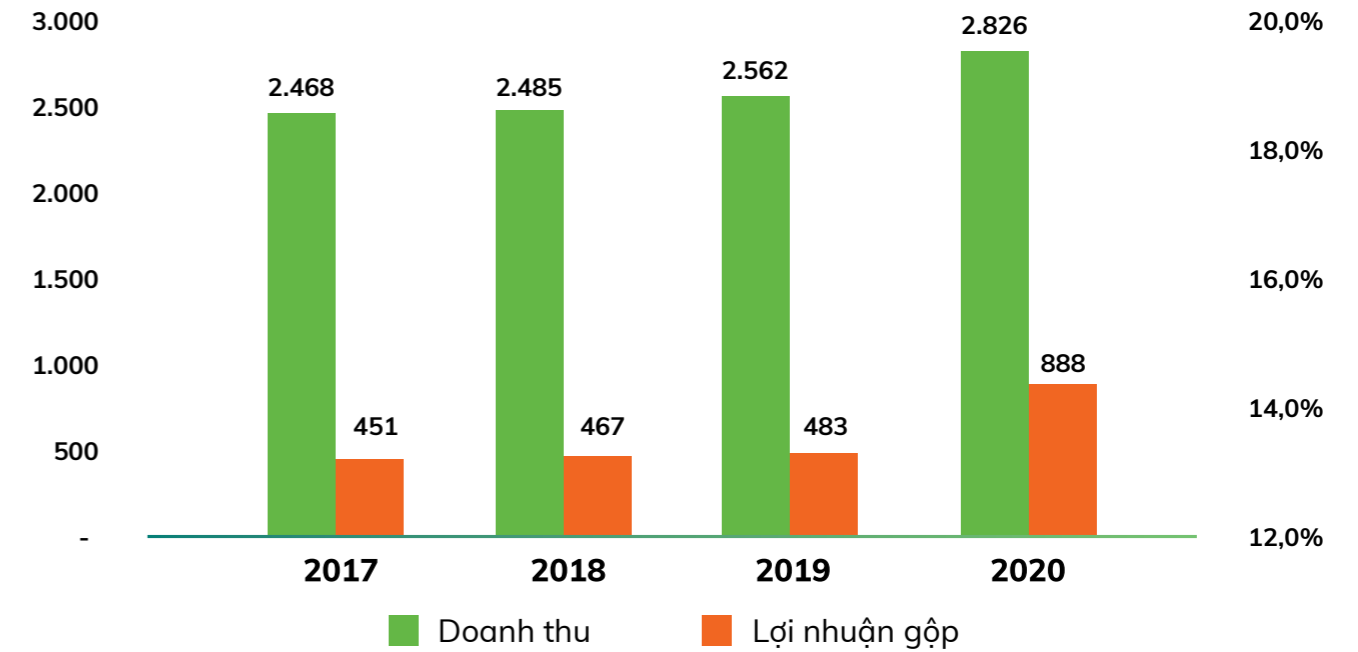
3.1 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Đơn vị tính: tỷ đồng

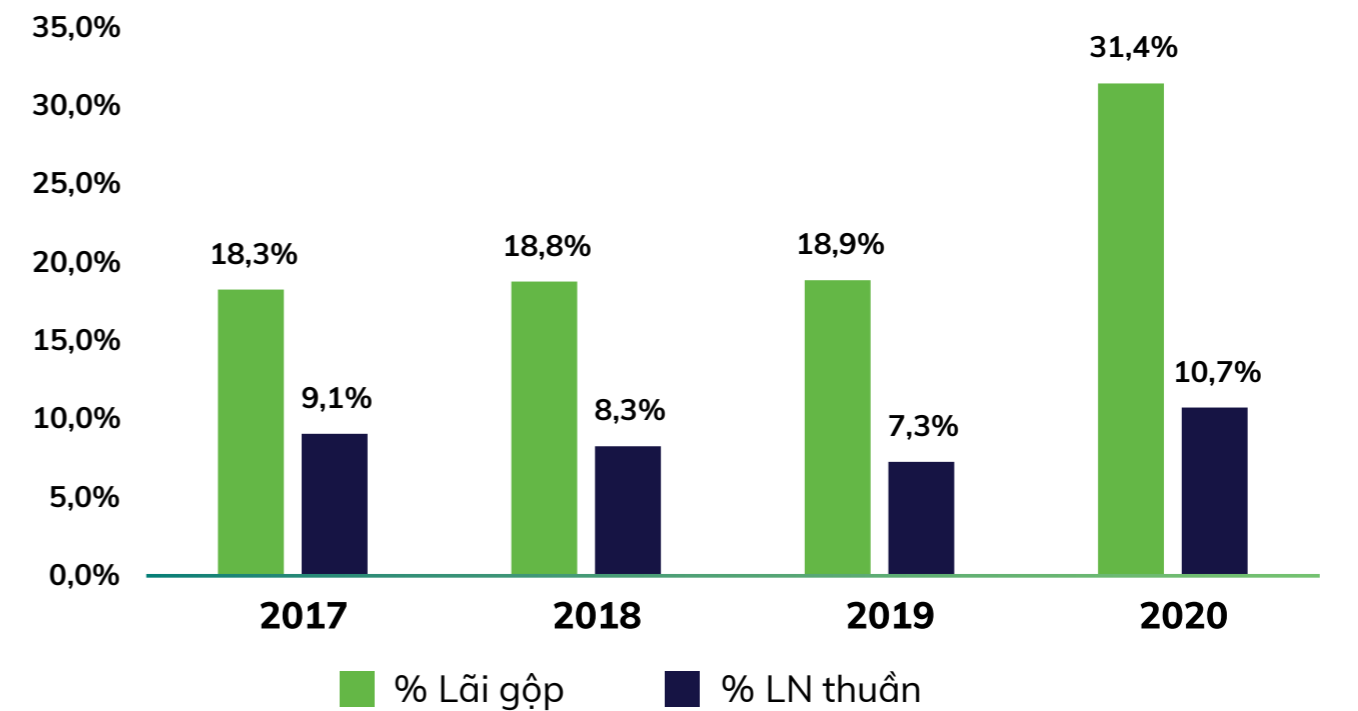
Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	%
		(Phân loại lại)	tăng/(giảm)
Tổng giá trị tài sản	1.223	1.072	14,09%
Vốn chủ sở hữu	912	727	25,48%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	%
		(Phân loại lại)	tăng/(giảm)
Doanh thu thuần	2.823	2.558	10,36%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	303	186	62,90%
Lợi nhuận khác	(5,6)	(0,2)	(2700%)
Lợi nhuận trước thuế	298	186	60,22%
Lợi nhuận sau thuế	281	167	68,26%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (/ năm)	25%	25%	0%

BIỂU ĐỒ DOANH THU, LỢI NHUẬN GỘP



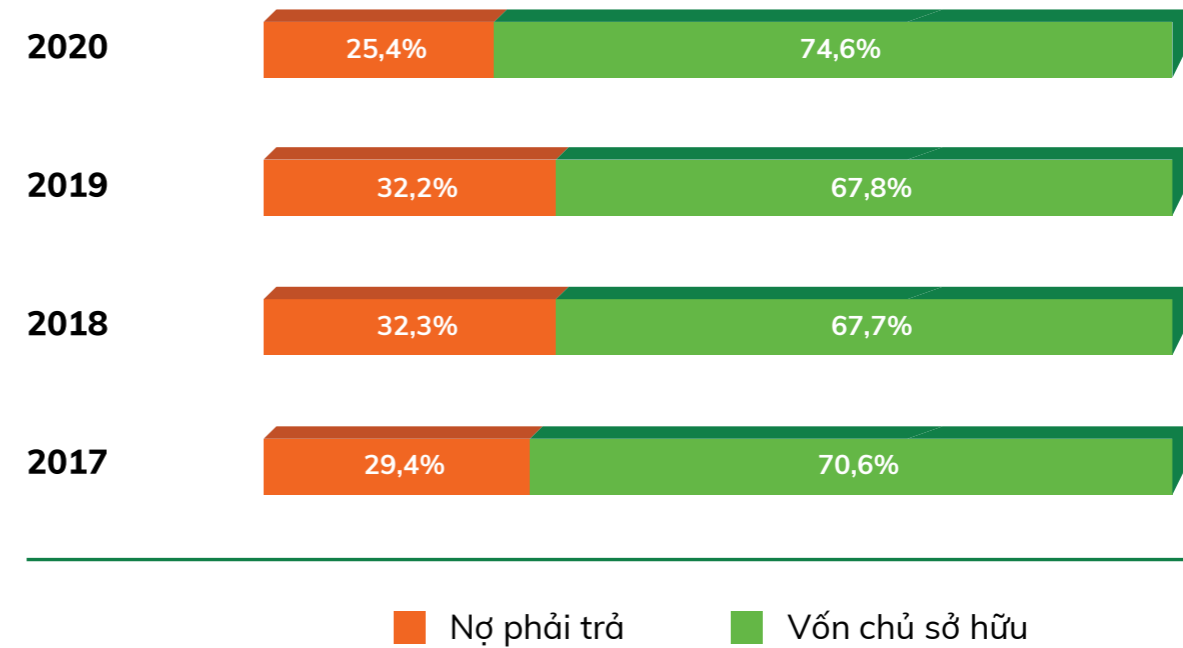
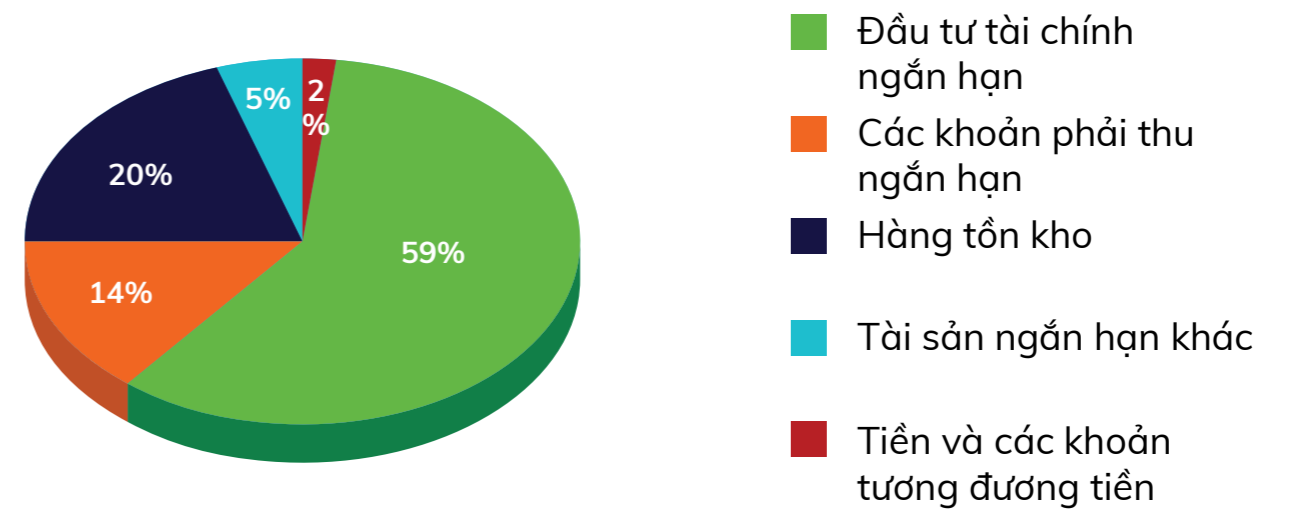
BIỂU ĐỒ % LÃI GỘP, % LN THUẦN



3.2 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019 (Phân loại lại)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: = TSNH/Nợ ngắn hạn	4,13 lần	2,89 lần
Hệ số thanh toán nhanh: = (TSNH - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	3,31 lần	1,99 lần
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	25,43%	32,18%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	34,10%	47,46%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho: = Giá vốn hàng bán/ HTK bình quân	8,32 vòng	6,44 vòng
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,31 đồng	2,39 đồng
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	9,95%	6,53%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	30,81%	22,97%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	22,98%	15,58%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	10,73%	7,27%

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU VỐN

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU TSNH


Trong năm 2020, mặc dù thị trường chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, tuy nhiên, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đạt kết quả khả quan, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực hoạt động trên thị trường, điều này được thể hiện rõ rệt qua các chỉ số tài chính luôn ở mức an toàn, cụ thể:

DOANH THU THUẦN

Tăng trưởng tốt đạt 2.823 tỷ đồng năm 2020. So với giai đoạn 2016-2019, tăng trưởng doanh thu thuần của Mộc Châu Milk đi ngang do công suất hạn chế (đã hoạt động hết công suất), doanh thu thuần giai đoạn này dao động khoảng 2400 - 2500 tỷ đồng thì năm 2020 có tốc độ tăng ấn tượng 10,36% so với năm 2019 cho thấy việc hợp tác Mộc Châu Milk – Vinamilk bước đầu thành công, Công ty không chỉ cải thiện rõ rệt tình hình hoạt động, mà còn giữ vững và mở rộng được thị phần của mình trên thị trường cạnh tranh khốc liệt ngày nay.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng thanh khoản của doanh nghiệp, là chỉ tiêu để Công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn, đảm bảo không rơi vào tình trạng tài chính kiệt quệ. Từ năm 2019- 2020, các hệ số thanh toán của Công ty luôn lớn hơn 1,5 lần.

HỆ SỐ NỢ/ TỔNG TÀI SẢN (D/A) VÀ HỆ SỐ NỢ/ VỐN CHỦ SỞ HỮU (D/E)

D/A đạt 25,43%, D/E đạt 34,10%, cả hai chỉ tiêu này đều giảm so với năm 2019. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm 27,05% tổng nguồn vốn. Hệ số này vẫn luôn được Mộc Châu Milk duy trì ổn định, các chính sách thanh toán với nhà cung cấp, chặt chẽ và phù hợp với hoạt động của công ty sản xuất.

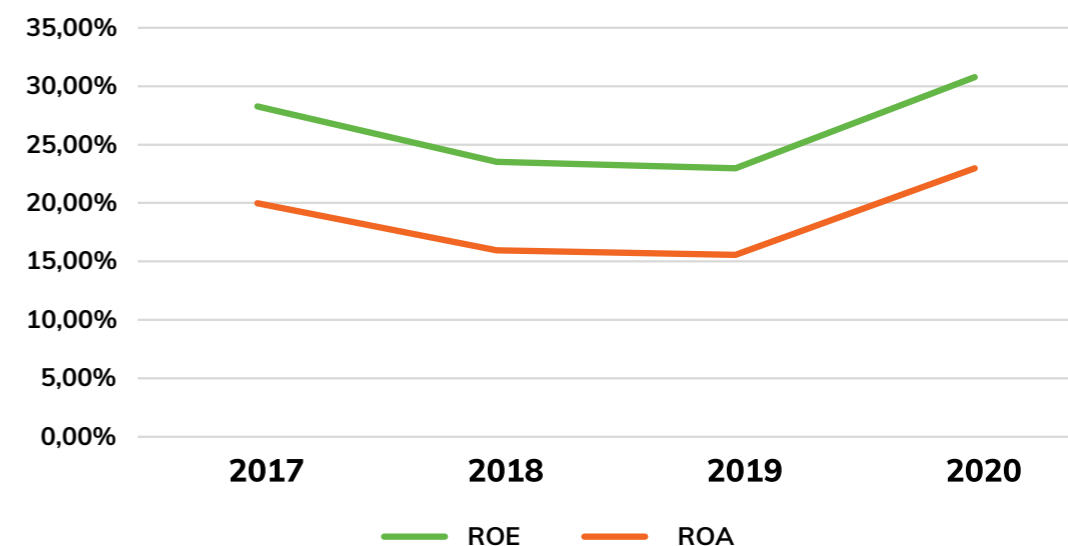
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Lượng hàng tồn kho năm 2019 của công ty khá lớn, chiếm 31,15% tài sản ngắn hạn, đồng nghĩa với việc tính thanh khoản của công ty giảm. Tuy nhiên, sang năm 2020, tỷ lệ HTK/TSNH giảm xuống còn 19,69%, chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng (từ 6,44 lần lên 8,32 lần), đây là một dấu hiệu tích cực cho thấy Công ty đã áp dụng chính sách quản lý hàng tồn kho hợp lý, đảm bảo mức độ sản xuất và nguồn cung cho thị trường, trong năm không phát sinh hàng tồn kho chậm lưu chuyển nào đáng kể. Ngoài ra, chỉ số doanh thu thuần luôn lớn gấp 2 lần tổng tài sản Công ty cho thấy năng lực hoạt động của công ty luôn được giữ ở mức ổn định, tốt.

HỆ SỐ SINH LỜI CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE) VÀ HỆ SỐ SINH LỜI KINH TẾ CỦA TÀI SẢN (ROA)

Với sự tham gia điều hành của các nhân sự chủ chốt của Vinamilk tại Công ty, năm 2020 Công ty tiến hành tái cơ cấu hệ thống nhà phân phối, tối ưu hóa các chương trình hỗ trợ bán hàng, tiết giảm các chi phí hoạt động trong kỳ; ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu để đảm bảo chất lượng sữa đầu vào...tạo kết quả lợi nhuận sau thuế tăng 68,2%, đạt gần 281 tỷ đồng, ROE năm 2020 đạt 30,81%, ROA đạt 22,98% tăng tương ứng 7,84% và 7,4% so với năm 2019. Dấu hiệu hoạt động kinh doanh tích cực này càng tăng thêm niềm tin tưởng và gắn bó của các cổ đông vào sự phát triển của Mộc Châu Milk trong tương lai.

BIỂU ĐỒ CHỈ SỐ SINH LỜI



4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tháng 7/2020, ĐHCĐ công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng để huy động vốn tài trợ các dự án đầu tư phát triển của Công ty. Nội dung chính của các dự án được tóm lược như sau:

4.1. DỰ ÁN ĐẦU TƯ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT SỮA NƯỚC



Tổng vốn đầu tư:

130 tỷ đồng

Kế hoạch triển khai dự án:

Bắt đầu triển khai dự án:	Tháng 08/2020.
Thời gian đưa vào vận hành thương mại:	Quý II/2021.
Nghiệm thu toàn dự án:	Quý II/2021.

MỤC ĐÍCH VÀ SỰ CẦN THIẾT

Công ty hiện đang có 3 dây chuyền sữa nước hộp 180ml, bao gồm 1 máy A3 Speed và 2 máy TBA19. Công suất sử dụng 03 dây chuyền này đã đạt trung bình khoảng 90% và sẽ thiếu hụt sản lượng cho các tháng bán hàng cao điểm.

Đây là dự án đầu tư mở rộng và phát triển của Công ty. Do đó, Công ty sẽ đầu tư 1 máy mới A3 Speed hộp 180ml (công suất thiết kế là 24.000 hộp/giờ) để tăng năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của Công ty trong 3-5 năm tới;

Hiện đại hóa các dây chuyền máy móc thiết bị của Công ty (thay thế 02 máy TBA19). Máy A3 Speed là dòng máy hiện đại và tiên tiến bậc nhất trên thế giới hiện nay do nhà cung cấp Tetrapak có trụ sở tại Thụy Điển cung cấp.

4.2. DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRANG TRẠI BÒ SỮA MỚI VỚI QUI MÔ 4.000 CON KẾT HỢP DU LỊCH SINH THÁI VÀ DỰ ÁN NÂNG CẤP TRANG TRẠI HIỆN HỮU LÊN QUI MÔ 2.000 CON

Đây là dự án đầu tư phù hợp với chủ trương của Tỉnh Sơn La tại văn bản sau: Quyết định số 3249/QĐ-UBND tỉnh Sơn La, ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc Phê duyệt Dự án Quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.



Tổng vốn đầu tư:

1.120 tỷ đồng

Kế hoạch triển khai dự án:

Trang trại Bò sữa công nghệ cao:	Quý III/2022.
Trang trại Du lịch sinh thái:	Quý I/2023.
Nghiệm thu toàn dự án:	Quý IV/2023.

MỤC ĐÍCH VÀ SỰ CẦN THIẾT

Hiện nay theo thống kê chưa chính thức, mức tiêu thụ sữa tươi của người dân Việt Nam còn rất thấp, ước đạt 20 lít sữa/người/năm. Trong khi đó mức tiêu thụ sữa ở các nước phát triển đã đạt từ 30-50 lít/người/năm.

Tốc độ tăng trưởng doanh số bình quân của Công ty CP sữa Việt nam (Vinamilk) trong vài năm gần đây giai đoạn 2014-2019 luôn đạt trên dưới khoảng 10%/năm. Nếu tốc độ này tiếp tục được duy trì, thì nhu cầu về sữa tươi nguyên liệu (STNL) cũng sẽ tăng lên với một tốc độ tương ứng cho cả trang trại cơ hữu và đơn vị liên kết.

Hiện nay, sữa tươi nguyên liệu do đàn bò trong nước cung cấp chỉ mới đáp ứng được khoảng 30% cho các nhà máy sữa, do đó còn rất nhiều tiềm năng phát triển để đáp ứng phần thiếu hụt và nhu cầu tăng trưởng to lớn này.

Tăng quy mô các trang trại của Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu để tạo được cơ sở bền vững cung cấp con giống chất lượng tốt và dịch vụ kỹ thuật cao cho chăn nuôi bò sữa đáp ứng quy mô tăng trưởng vùng.

Việc tái cơ cấu sản xuất của gia trại tại Thị trấn Nông trường Mộc Châu theo hướng tăng chuyên chăn nuôi bò sữa công nghệ cao và cải thiện công tác bảo vệ môi trường, phát huy lợi thế địa lý và khí hậu là cần thiết để đảm bảo phát triển bền vững thương hiệu MOCCHAUMILK và phát triển trồng cây thức ăn gia súc của các vùng lân cận.

Đầu tư phát triển bền vững vào sản xuất Nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái đạt được những giá trị vượt trội và lâu dài, thông qua du lịch sinh thái quảng bá được hình ảnh sản phẩm ấn tượng của sữa Mộc Châu Milk, Vinamilk.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 CỔ PHẦN

- ♦ Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành: **110.000.000 cổ phần**, tương đương tổng mệnh giá **1.100.000.000.000 đồng** (mệnh giá 10.000 đồng/CP).
- ♦ Loại cổ phần: chuyển nhượng tự do.

5.2 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Số liệu chốt tại ngày 25/02/2021 theo danh sách VSD cung cấp.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Phân loại	SL cổ đông	SLCP	Tỷ lệ
1. Trong nước	1.345	109.980.590	99,98%
a, Cá nhân	1.334	30.728.393	27,93%
b, Tổ chức	11	79.252.197	72,05%
2. Nước ngoài	18	19.410	0,02%
a, Cá nhân	17	19.310	0,02%
b, Tổ chức	1	100	0,00%
Tổng cộng	1.363	110.000.000	100,00%

Thông tin cổ đông lớn sở hữu

Số liệu chốt tại ngày 25/02/2021 theo danh sách VSD cung cấp.

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	35.771.572	32,52%
2	Công ty Cổ phần GTNfoods	29.458.399	26,78%
3	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - VNM	9.737.790	8,85%
	Tổng cộng	74.967.761	68,15%

Thông tin về cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng đến ngày 25/02/2021

	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP tự do chuyển nhượng	Tổng cộng
Cổ phiếu	39.864.189	70.135.811	110.000.000
Tỷ lệ (%)	36,34%	63,76%	100%

5.3 TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lịch sử tăng vốn điều lệ của Mộc Châu Milk

Tóm tắt các mốc tăng vốn điều lệ

Số liệu chốt tại ngày 25/02/2021 theo danh sách VSD cung cấp.

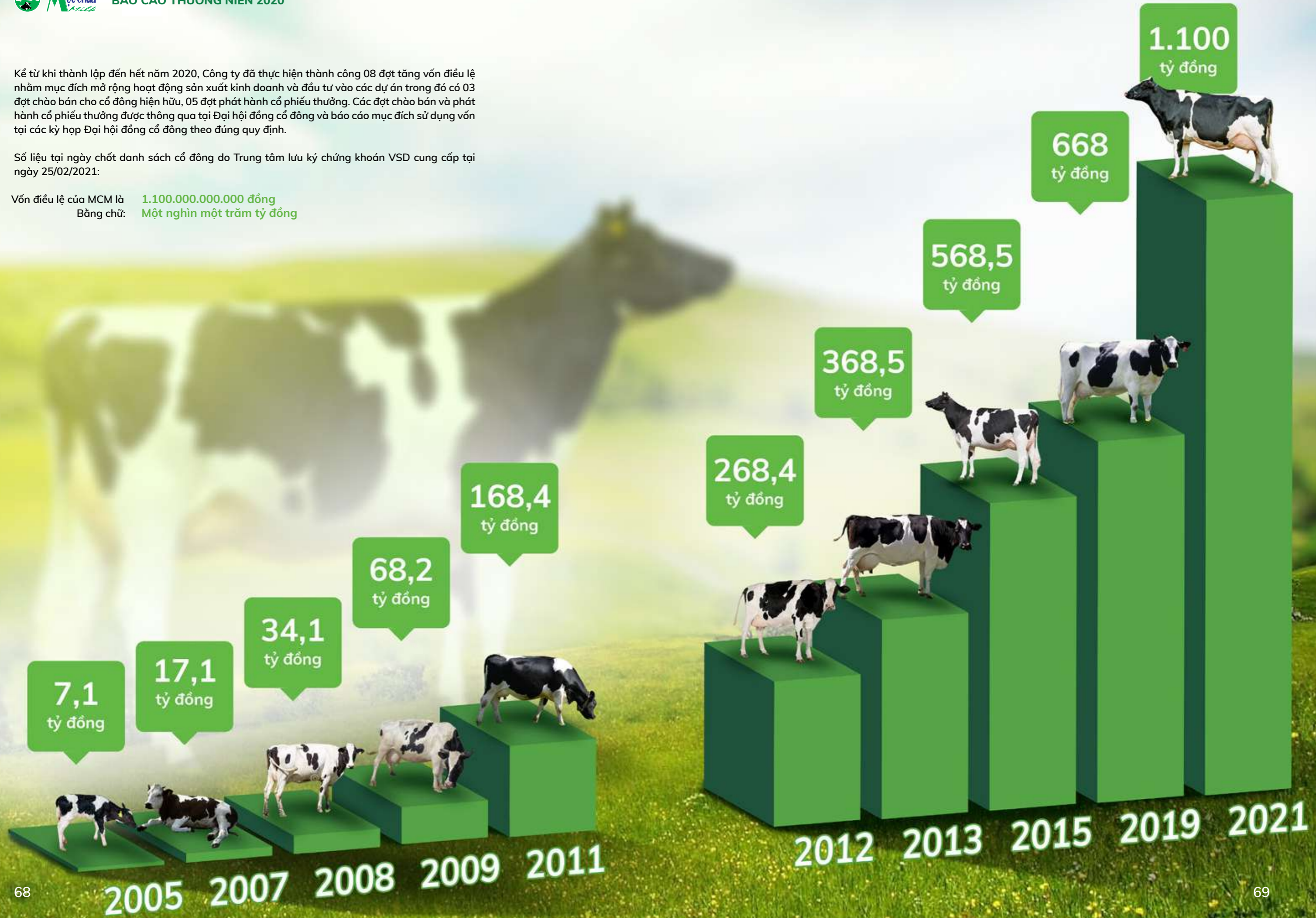
Đơn vị tính: đồng

Thời gian	Số vốn trước khi thay đổi	Số vốn sau khi thay đổi
Năm 2005	7.100.000.000	7.100.000.000
Năm 2007	7.100.000.000	17.100.700.000
Năm 2008	17.100.700.000	34.100.700.000
Năm 2009	34.100.700.000	68.201.400.000
Năm 2011	68.201.400.000	168.460.460.000
Năm 2012	168.460.460.000	268.460.460.000
Năm 2013	268.460.460.000	368.460.460.000
Năm 2015	368.460.460.000	568.460.460.000
Năm 2019	99.539.540.000	668.000.000.000
Năm 2021	668.000.000.000	1.100.000.000.000

Kể từ khi thành lập đến hết năm 2020, Công ty đã thực hiện thành công 08 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án trong đó có 03 đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, 05 đợt phát hành cổ phiếu thường. Các đợt chào bán và phát hành cổ phiếu thường được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và báo cáo mục đích sử dụng vốn tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định.

Số liệu tại ngày chốt danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán VSD cung cấp tại ngày 25/02/2021:

Vốn điều lệ của MCM là **1.100.000.000.000 đồng**
 Bằng chữ: **Một nghìn một trăm tỷ đồng**



Trong năm 2020, Công ty có trình ĐHCĐ thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng, cụ thể:

Ngày 17/07/2020, Mộc Châu Milk đã xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và được Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phần trong năm 2020 để tăng vốn điều lệ. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: **43.200.000** cổ phiếu tương đương 64,67% tổng số cổ phần đã phát hành, trong đó:

Chào bán cho cổ đông hiện hữu:	3.340.000
	cổ phiếu
Chào bán cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược:	39.192.000
	cổ phiếu
Chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động:	668.000
	cổ phiếu

Ngày 15/12/2020, Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu số 304/GCN-UBCK, số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán **43.200.000** cổ phiếu.

Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua:
Từ **06/01/2021** đến hết ngày **25/01/2021**.

Ngày 18/02/2021, UBCKNN đã đồng ý thông qua và ban hành văn bản số 510/UBCK-QLCB công bố thông tin việc Mộc Châu Milk phát hành thành công **43.200.000** cổ phiếu theo đúng quy định pháp luật. Như vậy, vốn điều lệ của MCM tăng từ 668 tỷ đồng lên **1.100 tỷ đồng**.

Tại ngày 31/12/2020: Số vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên là **668 tỷ đồng**

Thay đổi vốn điều lệ Công ty trong năm 2020: không có.

5.4 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:
Không có

5.5 CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC:
Không có

LỄ KHAI TRƯƠNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU (

Hà Nội ngày 18.12.2020



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI



6.1 MÔI TRƯỜNG

Năm 2020, các hoạt động bảo vệ môi trường, sản xuất kinh doanh có trách nhiệm gắn với phát triển bền vững đã được triển khai tại Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu. Cán bộ công nhân viên của Công ty luôn ý thức và thực hiện các việc làm thiết thực tiết kiệm năng lượng điện, nước sạch, giấy văn phòng, ... Các chương trình tiết kiệm, hợp lý hóa nguồn năng lượng trong các hoạt động luôn được Công ty chú trọng, việc sử dụng tài nguyên nước sạch được Công ty chỉ đạo trong sản xuất, chăn nuôi và khuyến cáo tới toàn thể cán bộ công nhân viên và cả các hộ nông dân chăn nuôi. Các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý chất thải cũng được thực hiện nghiêm túc tại khu vực chế biến và sản xuất.

Cơ giới hóa quy trình xử lý chất thải

Toàn bộ trang trại của các hộ gia đình ở Mộc Châu đều đã được cơ giới hóa, trang bị nhiều máy móc hiện đại như máy cắt cỏ, máy cày bừa, máy băm cỏ, máy vắt sữa... Thậm chí, phân bò sau khi thu dọn cũng được xử lý tự động theo quy trình khép kín để bảo vệ môi trường.

Với dây chuyền xử lý phân tự động, toàn bộ chất thải do bò sữa thải ra hàng ngày được dọn rửa đưa về bể thu gom để xử lý bằng men vi sinh. Sau đó chất thải sẽ được máy hút lên để tách nước và chất thải rắn. Đối với nước, một phần chảy vào hầm biogas, phần còn lại chảy qua các bể xử lý bằng men vi sinh và enzym theo phương pháp hiếu khí. Sau đó, nước thải tiếp tục được đưa qua các bể lọc đến khi đạt tiêu chuẩn cho phép sẽ đưa đi tưới cho đồng cỏ. Đối với chất thải rắn, sau khi xử lý bằng men vi sinh tới khi độ ẩm còn 15 – 20%, sẽ trở thành loại phân hữu cơ rất tốt cho rau màu.

Tuyên truyền, phổ cập công tác xử lý môi trường tới người nông dân chăn nuôi

Mộc Châu Milk tiếp tục triển khai hướng dẫn việc xử lý môi trường tại các nông hộ, coi đây là một trong những chỉ tiêu đánh giá và thành lập những tổ kiểm tra giám sát xử lý các hộ không thực hiện đúng quy định. Công ty tích cực tuyên truyền tới các hộ dân, tất cả các cơ sở chăn nuôi đã đồng loạt triển khai xử lý chất thải rắn và chất thải lỏng theo công nghệ sinh học của Viện nghiên cứu môi trường nông nghiệp và phát triển nông thôn. 100% các hộ nông dân áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong chăn nuôi.

6.2 XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG



TRAO TẶNG NHÀ TÌNH NGHĨA



ỦNG HỘ PHÒNG CHỐNG COVID-19



LĐ CÔNG TY BÀN GIAO NHÀ ĐDK TẠI XÃ LÔNG SẬP 2



CÔNG TY HỖ TRỢ CHỦ HỘ CHĂN NUÔI KHẮC PHỤC HẬU QUẢ MƯA ĐÁ, GIÓ LỐC 2020



TRAO TẶNG NHÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT

Các chính sách tạo việc làm cho người dân tại địa phương, các chương trình an sinh xã hội, chương trình từ thiện trên địa bàn luôn được Mộc Châu Milk quan tâm và thực hiện thường niên, đặc biệt là chương trình sữa học đường cho trẻ em mầm non, chương trình hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi, người dân tộc thiểu số...

Bên cạnh việc bảo vệ môi trường, các vấn đề về xã hội & cộng đồng cũng được Mộc Châu Milk ưu tiên và quan tâm. Các vấn đề việc làm của cán bộ nhân viên, người lao động, đặc biệt là đối với phụ nữ, người dân tộc thiểu số như nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi, nhân quyền đều được đảm bảo; trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua chất lượng các sản phẩm của Công ty là tiêu chí tiên quyết trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2020, Mộc Châu Milk đã tham gia các phong trào phát động tại địa phương, đóng góp vào các quỹ hỗ trợ như: Quỹ phòng chống bão lũ, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ nhân đạo, Quỹ xóa đói giảm nghèo và các hoạt động từ thiện khác như hiến máu nhân đạo, hỗ trợ cơ sở vật chất tại nơi công cộng cho người dân tại địa phương, xây dựng nhà Đại đoàn kết cho các gia đình hộ nghèo và người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

6.3 CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Không chỉ đặt mục tiêu tăng trưởng trong kinh doanh, Mộc Châu Milk còn hướng tới việc phát triển nông nghiệp bền vững, góp phần vào phát triển ngành nông nghiệp nước nhà, thay đổi diện mạo của nông thôn Việt Nam. Tổng giám đốc Mộc Châu Milk, cho biết: “Xác định tầm nhìn phát triển doanh nghiệp đi kèm phát triển bền vững, xây dựng nông nghiệp sạch để đảm bảo luôn sản xuất ra những sản phẩm chất lượng cao, chúng tôi đặt mục tiêu chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, toàn bộ sữa tươi nguyên liệu được đưa vào sản xuất đều phải đạt loại A với hàm lượng dinh dưỡng tự nhiên cao nhất nhằm giữ vững vị thế của một trong những công ty hàng đầu tại thị trường sữa Việt Nam”.



TÔN CHỈ LÀM SỮA “SẠCH TỪ ĐỒNG CỎ ĐẾN BÀN ĂN”

Sạch từ đồng cỏ đến từng ly sữa từ lâu đã trở thành tôn chỉ nghề của hàng trăm nông hộ trên thảo nguyên xanh. Nhiều năm trước, nông dân nơi đây đã đua nhau làm nông nghiệp sạch, cơ giới hóa máy móc 100%, tiên phong chăn nuôi theo mô hình VietGAP.

Toàn bộ các khâu từ trồng cỏ không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu đến việc chăm sóc đàn bò không sử dụng hormone tăng trưởng, không dư lượng kháng sinh... Thêm vào đó, với địa hình nằm trên thảo nguyên

rộng lớn, Mộc Châu phù hợp cho việc phát triển các đồng cỏ làm nguồn thức ăn dồi dào cho bò. Cỏ hay thực vật ở vùng ôn đới có giá trị dinh dưỡng, độ tiêu hóa cao hơn và thường tích trữ các dưỡng chất tốt hơn vùng nhiệt đới. Vì vậy đây là nguồn thức ăn tại Mộc Châu Milk luôn đảm bảo chất lượng tốt và bền vững.

Cho đến nay, toàn bộ các trang trại Mộc Châu Milk đều được công nhận đạt chuẩn VietGAP, tuân thủ 73 tiêu chí để cho ra nguồn sữa tươi nguyên liệu có chất lượng cao nhất.

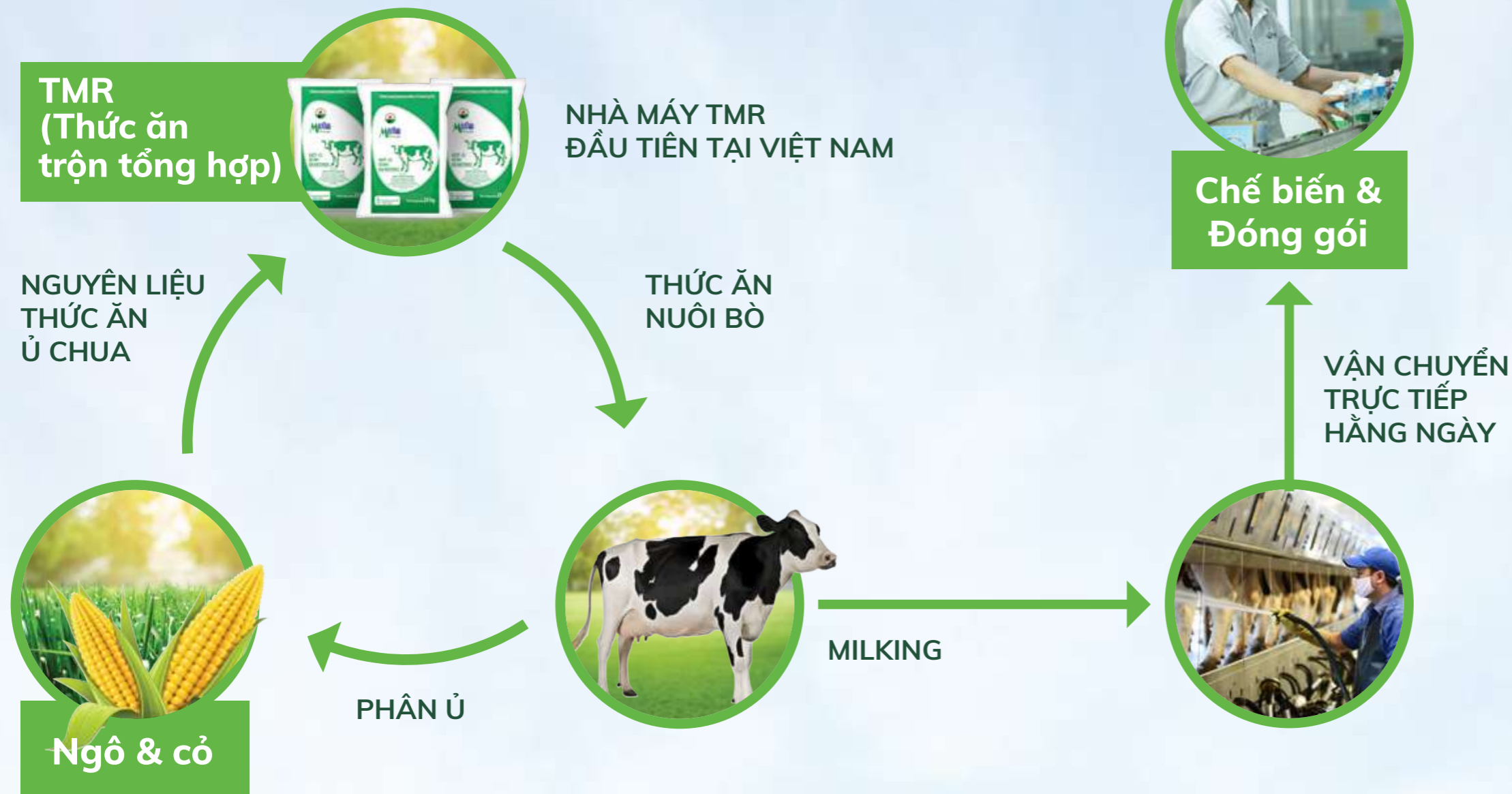
HỆ THỐNG SẢN XUẤT SỮA SẠCH

Sữa tươi thanh trùng và sữa tươi tiệt trùng nguyên chất 100% tự nhiên đã gắn liền với thương hiệu Mộc Châu Milk sáu thập kỷ nay. Mỗi ngày, Mộc Châu Milk cung cấp ra thị trường hơn 180 tấn sữa tươi. Sản phẩm chủ lực này cũng là lợi thế khác biệt của doanh nghiệp so với các đối thủ khác trên thị trường. Với hệ thống phân phối trải dài từ Bắc vào Nam, các kênh phân phối GT &MT, hơn 60.000 điểm bán lẻ trên toàn quốc, Mộc Châu Milk đã và đang trao tận tay người tiêu dùng những sản phẩm sữa tươi sạch, mát lạnh và giàu dinh dưỡng từ thảo nguyên xanh.



Để đảm bảo nguồn sữa nguyên liệu giữ trọn sự tươi ngon, doanh nghiệp cũng đặt 15 điểm thu mua sữa tươi cách các nông hộ không quá 1km. Sữa tươi vắt ra trong vòng 30 phút sẽ được đem đến các điểm thu mua và chứa trong các bình chuyên dụng 4 độ C, sau đó chuyển đến nhà máy với dây chuyền chế biến được nhập khẩu từ Tetra Pak (Thụy Điển), đóng gói tự động hóa và hoàn toàn vô trùng, công suất 100.000 hộp/giờ, trung bình sản xuất 200 tấn/ ngày, tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và HACCP 2008.

MÔ HÌNH HỆ THỐNG SẢN XUẤT SỮA SẠCH TẠI MỘC CHÂU MILK



527
hộ nông dân

Sản lượng sữa bình quân
25 lít
/con/ngày

MCM kiểm soát về kỹ thuật chăn nuôi, thú y và dinh dưỡng

DeLaval
Cơ sở vắt sữa tiêu chuẩn quốc tế

15
trung tâm thu mua sữa trên toàn khu vực

Kiểm tra chất lượng

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



NGƯỜI DÂN

MỐI QUAN HỆ GẮN BÓ KHẲNG KHÍT GIỮA
MỘC CHÂU MILK – NGƯỜI DÂN – CHÍNH QUYỀN

MỘC CHÂU MILK – NGƯỜI NÔNG DÂN

Trong tất cả các khâu chăn nuôi, sản xuất, doanh nghiệp đều đầu tư đồng bộ và chú trọng đến sự gắn kết. Theo đó, Mộc Châu Milk sẽ là trung tâm đào tạo kỹ thuật và chuyển giao công nghệ khoa học cho người nông dân, giúp họ tiếp cận với khoa học kỹ thuật tiên tiến để chăn nuôi, sản xuất. Công ty Mộc Châu Milk cũng lựa chọn giống bò sữa cao sản nhập khẩu từ Canada, Mỹ, Australia... đồng thời không ngừng nghiên cứu, áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến vào chăn nuôi, nhằm bảo đảm chất lượng cao nhất cho nguồn sữa tươi nguyên liệu.

Để đồng vốn của người nông dân được bảo toàn và phát huy tối đa hiệu quả, Mộc Châu Milk còn thành lập quỹ bảo hiểm vật nuôi và bảo hiểm giá sữa từ năm 2004. Chính nhờ những quỹ này, khi nông dân ký hợp đồng với Mộc Châu Milk, họ được đảm bảo tốt nhất về quyền lợi, nhờ thế họ ổn định công việc, yên tâm sản xuất. Điều giúp gần 500 hộ nông dân vững tâm hợp tác với công ty là việc công ty luôn đồng hành cùng người nông dân, cùng họ chia sẻ rủi ro trong những trường hợp không như kỳ vọng. Công ty còn duy trì Hội thi Hoa hậu Bò sữa suốt 16 năm qua, là cầu nối giúp các hộ nông dân chia sẻ kinh nghiệm chăn nuôi và giúp họ nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình của đội ngũ kỹ sư, các chuyên gia chăn nuôi của chính công ty.

Đây chính là chiến lược nông nghiệp bền vững được Mộc Châu Milk triển khai từ nhiều năm nay. Bên cạnh việc đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng cho công ty, chiến lược này còn mang đến cuộc sống ổn định hơn cho những người nông dân.

MỘC CHÂU MILK
– CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN

Để vận hành tốt Mộc Châu Milk, nhu cầu lực lượng lao động là rất lớn, vì vậy Công ty cũng giúp giải quyết một phần vấn đề việc làm cho người dân Mộc Châu, có những đóng góp quan trọng vào các chính sách an sinh xã hội.

Bên cạnh đó, chính quyền tỉnh Sơn La luôn ủng hộ, giúp đỡ để Mộc Châu Milk trở thành địa danh du lịch cộng đồng nổi tiếng khắp cả nước, kêu gọi chính phủ đầu tư đường xá, cơ sở hạ tầng tại cao nguyên Mộc Châu, tạo cơ hội đóng góp vào nền kinh tế toàn tỉnh.

Những sự kiện định kỳ được Công ty tổ chức, điển hình là hội thi “Hoa hậu bò sữa vào tháng 10 hàng năm” không chỉ tạo dấu ấn riêng cho Mộc Châu Milk mà còn đóng góp vào lễ hội văn hóa du lịch chung của tỉnh, góp phần thu hút khách du lịch cả nước hướng về Mộc Châu, được chính quyền địa phương ủng hộ đăng tải trên khắp các phương tiện truyền thông chính thống để quảng bá vùng đất cao nguyên này.



TIÊU ĐIỂM
NĂM 2020

CÔNG TY CP GIỒNG BÒ SỮA MỘC CHÂU



01 25.935 con bò

02 >72.000 tấn sữa

03 TOP 4 công ty sữa hàng đầu VN

04 18% thị phần tại thị trường miền Bắc

05 3.000 ha nông hộ trồng trọt

06 1.000 ha chăn thả

Phần III.

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid 19, người tiêu dùng có xu hướng sử dụng sữa nhiều hơn để tăng cường hệ miễn dịch, trên đà tăng trưởng doanh số Mộc Châu Milk năm 2020 đạt 2.823 tỷ đồng, tăng 10,34% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế đạt 280,7 tỷ đồng, tăng trưởng 68,2% so với cùng kỳ hoàn thành 178,4% kế hoạch năm 2020 (157,3 tỷ đồng).

Năm 2020, Mộc Châu Milk đã đạt được những thành tích nhất định: bảo toàn và phát triển nguồn vốn; thu nhập của người lao động được tăng thêm; công tác quản trị, điều hành tiếp tục được đổi mới; công tác tổ chức được kiện toàn, đi vào nề nếp; nội bộ đoàn kết, thống nhất cao từ Ban lãnh đạo đến Cán bộ công nhân viên. Năm 2020, Công ty đã nộp ngân sách nhà nước đầy đủ, đúng hạn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm 2020, Mộc Châu Milk tiếp tục duy trì sự ổn định tài chính, bằng chứng là các chỉ số tài chính của Công ty luôn ở mức an toàn. Vốn lưu động, tài sản dài hạn vẫn được quản lý chặt chẽ, chính sách quản lý đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	%
			tăng/(giảm)
Doanh thu thuần	2.823	2.558	10,3 %
Lợi nhuận trước thuế	297,6	185,6	60,3%
Lợi nhuận sau thuế	280,7	166,9	68,2%

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	%
			tăng/(giảm)
Tổng tài sản	1.223	1.072	14,1%
Tổng nợ phải trả	311	345	(9,9%)

SẢN PHẨM MỚI

Nhờ đẩy mạnh đầu tư công tác R&D, trong năm 2020, Mộc Châu Milk đã thành công đưa ra thị trường một số sản phẩm mới và được đánh giá tốt như: sữa tươi tiệt trùng bịch giấy, sữa trái cây McKidz và sữa chua ăn McKool, ...

CÔNG TÁC QUẢN LÝ

- ◆ Duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh.
- ◆ Rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thấu hiểu về quy trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên, thông qua quy trình quản lý của hệ thống ISO 9001-2015 và FSSC 22000. Hoàn thiện và đưa vào áp dụng Bộ hồ sơ giao việc từ cấu trúc, mục tiêu, quy trình, quy định & hướng dẫn công việc cho đến các tiêu chí đánh giá năng lực và thành tích cho từng nhân viên.
- ◆ Hợp đồng với đơn vị tư vấn nhằm tăng cường công tác đào tạo chuyên môn cho các Giám đốc bộ phận, quản lý, đảm bảo khả năng quản lý, lập kế hoạch và triển khai các chương trình mới đạt được hiệu quả cao.
- ◆ Phân quyền mới cho các Giám đốc bộ phận để đảm bảo tính hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch chung
- ◆ Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường để hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 và tạo tiền đề cho năm 2021.



2. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty có những đổi mới rõ nét trong công tác quản trị điều hành, đặc biệt là quản trị nguồn nhân lực. Hệ thống quy trình, quy chế nội bộ tiếp tục được hoàn thiện, hướng tới chuẩn mực. Các chỉ tiêu đánh giá CBCNV được áp dụng và triển khai thực hiện; hệ thống kiểm tra kiểm soát được củng cố và tăng cường.



Trong năm, HĐQT công ty đã ban hành Sơ đồ tổ chức bộ máy quản trị mới (Chi tiết Mô hình quản trị công ty xem Phần 5, Chương 1)

Trong bối cảnh môi trường kinh tế toàn cầu vẫn đang có những diễn biến phức tạp do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, nền kinh tế trong nước đang dần hồi phục, tuy nhiên, mức tiêu dùng sữa của người Việt còn thấp so với khu vực. Vùng Mộc Châu được thiên nhiên ưu ái khí hậu mát mẻ là lợi thế trong ngành chăn nuôi, vì vậy, các giải pháp kinh doanh năm 2021 của Mộc Châu Milk tập trung hướng tới những mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, nhằm củng cố và phát huy những giá trị cốt lõi trên nền tảng nội lực vững chắc. Với tinh thần đó, HĐQT Công ty đã đặt ra mục tiêu nhiệm vụ cho năm 2021 và những năm tới, nội dung chính như sau.

- ◆ Tiếp tục nâng cao chất lượng các sản phẩm sữa, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường. Nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu và xu thế tiêu dùng, nghiên cứu thêm một số ngành nghề kinh doanh mới có lợi thế ở Mộc Châu;
- ◆ Đầu tư thêm dây chuyền sản xuất sản phẩm sữa tươi hiện đại tại Nhà máy sữa Mộc Châu, mở rộng quy mô đàn bò tại trang trại hiện hữu của Mộc Châu Milk từ 1.600 con lên 6.000 con (bao gồm nâng cấp trang trại hiện hữu lên 2.000 con và đầu tư trang trại bò sữa 4.000 con kết hợp với du lịch sinh thái). Các trang trại được định hướng theo tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý và chăn nuôi bò sữa.
- ◆ Công ty sẽ tiếp tục phát huy những thành công của mô hình liên kết nông hộ, đồng thời hỗ trợ bà con ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất và chất lượng sữa của đàn bò. Bên cạnh đó, Mộc Châu Milk sẽ phát triển một tổ hợp dự án trang trại bò sữa công nghệ cao, đạt chuẩn quốc tế, kết hợp du lịch sinh thái. Đồng thời, quy hoạch xây dựng một nhà máy chế biến sữa mới hiện đại trên cao nguyên Mộc Châu với tổng vốn đầu tư dự kiến hơn 1.600 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2020

ĐHĐCĐ thông qua mức cổ tức năm 2020	2.500đ/cp
Năm 2020, Công ty đã chi trả đợt 1	1.000đ/cp giá trị: 66.800.000.000 đồng
Năm 2021, dự kiến chi trả đợt 2	1.500đ/cp giá trị: 165.000.000.000 đồng

3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Mộc Châu Milk - Vinamilk cùng nhau xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 hướng đến đưa Mộc Châu, Sơn La thành thủ phủ bò sữa công nghệ cao của Việt Nam, kết hợp nông nghiệp với du lịch sinh thái nhằm tạo công ăn việc làm cho bà con nông dân các dân tộc, phát triển tam nông theo hướng bền vững và đóng góp nguồn thu cho ngân sách địa phương.

KẾ HOẠCH DOANH THU, LỢI NHUẬN NĂM 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	%
tăng/(giảm)				
1	Doanh thu thuần	3.066	2.823	8,6%
2	Lợi nhuận trước thuế	337,6	297,6	13,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	318,5	280,7	13,5%

Phần IV.

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành của Công ty

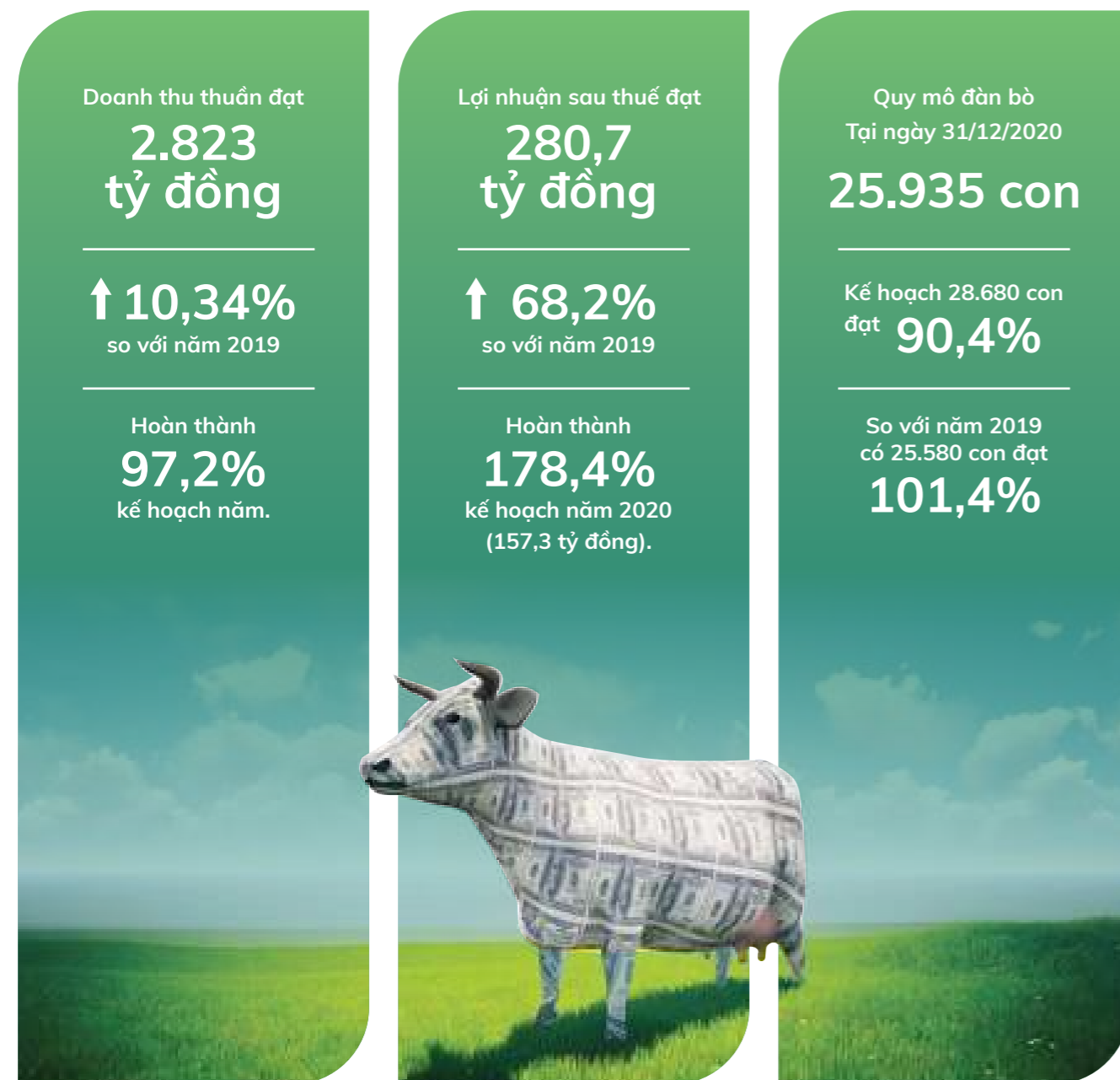


1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Nhìn chung, kết quả đạt được trong năm 2020 của Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, quyền lợi của cổ đông được đảm bảo.

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Mộc Châu Milk hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, cụ thể:



VỀ HOẠT ĐỘNG CHI TRẢ CỔ TỨC

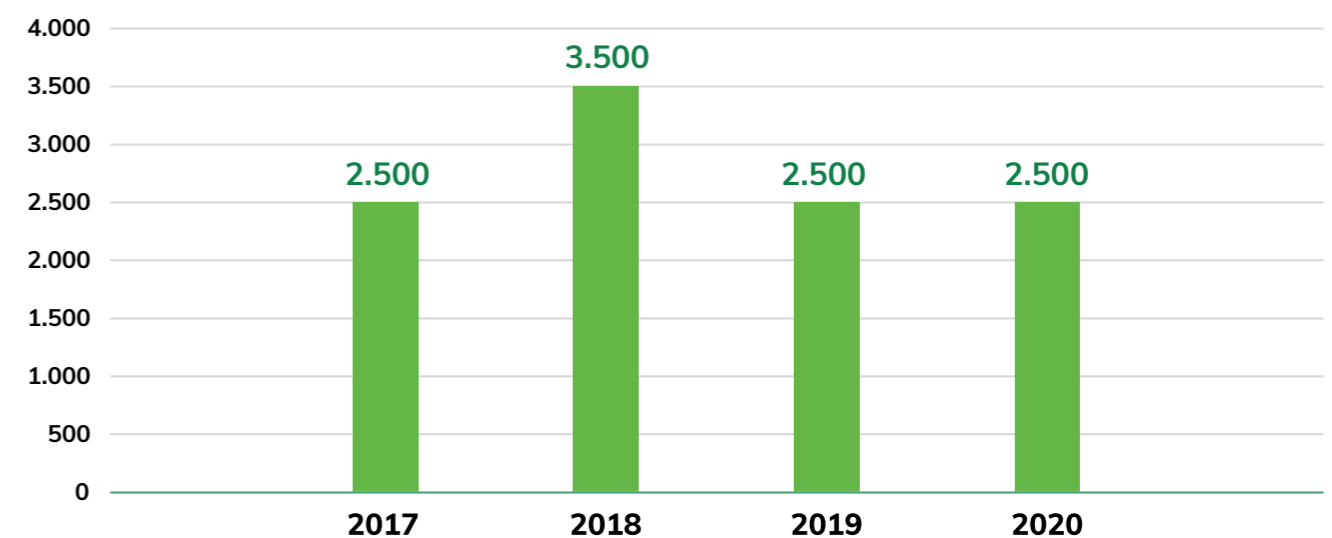
Căn cứ:

- ◆ Nghị quyết số 65/NQ-ĐHĐCĐ/GBS/2020, ngày 16/02/2020 của Đại hội đồng cổ đông
- ◆ Nghị quyết số 567/NQ-HĐQT/GBS/2020, ngày 15/10/2020 của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông, kết quả như sau:

ĐHĐCĐ thông qua mức cổ tức năm 2020	2.500đ/cp
Năm 2020, Công ty đã chi trả đợt 1	1.000đ/cp giá trị: 66.800.000.000 đồng
Năm 2021, dự kiến chi trả đợt 2	1.500đ/cp giá trị: 165.000.000.000 đồng
Tổng giá trị cổ tức năm 2020	231.800.000.000 đồng chiếm 82,6% LNST
LNST chưa phân phối năm 2020	34.142.273.025 đồng

BIỂU ĐỒ CỔ TỨC





VỀ HOẠT ĐỘNG TUÂN THỦ NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

Công bố thông tin: Năm 2020, Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên đối với Công ty đại chúng. Công ty không phát sinh bất kỳ vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin trong năm này.

Thuế và các nghĩa vụ pháp lý liên quan: Năm 2020, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước theo quy định, nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể hoạt động phù hợp với mô hình quản trị, tham gia các chương trình an sinh xã hội của địa phương và Trung ương phát động, hoàn thành tốt công tác giúp đỡ xã, bản vùng cao biên giới cho Tỉnh và Huyện phân công phụ trách.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc và Ban điều hành công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh, và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

HĐQT thực hiện việc đánh giá hoạt động và năng lực của Tổng Giám đốc ("TGD") và Ban điều hành ("BDH") dựa trên các tiêu chí sau:

- ◆ Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh
- ◆ Bốn phạm vi chung của Cán bộ quản lý cấp cao. Việc đánh giá bốn phạm vi chung gồm 2 giai đoạn: cá nhân tự đánh giá và quản lý cấp trên trực tiếp đánh giá. Các tiêu chí bốn phạm vi chung bao gồm:
 - (1) Trách nhiệm "cẩn trọng",
 - (2) Trách nhiệm "Trung thực và tránh xung đột lợi ích",
 - (3) Trách nhiệm "Bảo mật thông tin",
 - (4) Bốn phạm vi "Chăm lo và trung thành".
- ◆ Năng lực và kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao: Việc đánh giá năng lực và kỹ năng được thực hiện dựa trên bộ năng lực lãnh đạo của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam áp dụng chung cho toàn Tập đoàn (12 năng lực).

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2020

- ◆ Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho Công ty, tăng doanh thu và lợi nhuận.
- ◆ Chủ động trong công tác tái cấu trúc mô hình, đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt và chế độ phúc lợi cho người lao động
- ◆ Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý.



Phần V.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan
4. Hợp nhất hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ
5. Việc thực hiện các quy định quản trị nội bộ



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 gồm các thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/Không còn là thành viên HĐQT
1	Mai Kiều Liên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/02/2020
2	Trịnh Quốc Dũng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/02/2020
3	Phạm Hải Nam	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm TV HĐQT 16/02/2020 Bổ nhiệm TGD ngày 01/02/2020
4	Phan Minh Tiên	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/02/2020
5	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/02/2020
6	Nghiêm Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 16/02/2020
7	Trần Công Chiến	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm TV HĐQT 16/02/2020 Miễn nhiệm TGD ngày 01/02/2020
8	Nguyễn Hồng Anh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 16/02/2020
9	Cao Thị Hồng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 16/02/2020
10	Trần Thị Cúc	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 16/02/2020

1.2 CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Chưa có.

1.3 HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng với Ban Tổng Giám đốc điều hành của Công ty chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông để ra phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- ♦ Hoạt động của HĐQT trong năm 2020 trọng tâm vào các nội dung sau:
 1. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2020 của Ban Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 2/2020;
 2. Phê duyệt phương án phát hành cổ phần năm 2020 để tăng vốn điều lệ; Phê duyệt các dự án đầu tư phát triển công ty; thực hiện lưu ký và niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; tổ chức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản Tháng 7/2020;
 3. Triển khai và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020; chuẩn bị kế hoạch năm 2021;
 4. Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro;
 5. Phê duyệt các giao dịch, nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- ♦ Mọi hoạt động của Hội đồng quản trị đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
- ♦ Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tiến hành 26 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 38 Nghị quyết/Quyết định về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành và lưu giữ theo đúng quy định.

1.4 HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chưa có.

1.5 DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

Chưa có.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1 THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty năm 2020 gồm các thành viên như sau:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
1	Trần Ngọc Duy	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 16/02/2020
2	Trịnh Công Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/02/2020
3	Phạm Quang Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/02/2020
4	Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 16/02/2020
5	Nguyễn Anh Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/02/2020
6	Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/02/2020



2.2 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2020, Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ theo quý, để thảo luận, soát xét Báo cáo tài chính của Công ty, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thông qua kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và triển khai kế hoạch hoạt động của mỗi quý.

a, Kiểm soát hoạt động, kiểm soát chiến lược và kiểm soát tài chính

- ◆ BKS đã thực hiện giám sát hoạt động đánh giá và xét chọn đơn vị kiểm toán theo danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập được ĐHĐCĐ thông qua; tham gia định hướng công tác lập kế hoạch kiểm toán năm; tổ chức các cuộc họp cùng đơn vị kiểm toán độc lập được chọn – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam nhằm xác định rõ phạm vi, mục đích và các vấn đề cần lưu ý trong các cuộc kiểm toán.
- ◆ BKS đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty, thảo luận về các điểm cần lưu ý, và đề xuất các khuyến nghị đến BDH của Công ty.
- ◆ Việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, nghị quyết ĐHĐCĐ, luật định và các quy định của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và BDH cũng được BKS nghiêm túc thực hiện, cụ thể:
 - ✦ Xem xét tính pháp lý, trình tự ban hành các nghị quyết của HĐQT và công bố thông tin theo Luật định.
 - ✦ Giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT và BDH.
 - ✦ Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo năm, 6 tháng đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và các báo cáo hàng quý của Công ty.
 - ✦ Phối hợp cùng các thành viên HĐQT, BDH và các nhân sự chuyên trách tại Công ty trong việc
 - Kiểm tra việc xây dựng khung kiểm soát nội bộ và bộ tài liệu quy định về các hoạt động chính của Công ty.
 - Đánh giá về các hoạt động quản lý hàng tồn kho, dự phòng phải trả; quản lý và sử dụng tài sản của Công ty.
 - ✦ Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát và kiểm tra trong năm 2020, BKS chưa phát hiện dấu hiệu vi phạm và không ghi nhận đơn khiếu nại hoặc ý kiến nào từ cổ đông về HĐQT và BDH.
 - ✦ BKS cùng HĐQT, BDH nghiên cứu Nghị định 05/2019/NĐ-CP về việc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ cho Mộc Châu Milk.
 - ✦ Về thù lao của Ban kiểm soát: Thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về mức thù lao của Ban kiểm soát, không phát sinh chi phí riêng cho Ban kiểm soát. Các hoạt động khác của Ban kiểm soát thường được gắn cùng với các hoạt động sản xuất kinh doanh chung nên không có phát sinh chi phí riêng cho Ban kiểm soát.
 - Trong năm 2020, BKS của Công ty bao gồm: 3 thành viên.
 - Tổng thù lao: 275,5 triệu đồng.

b, Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

- ◆ BKS đã xem xét báo cáo tài chính năm và 6 tháng được soát xét/kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và thống nhất với các báo cáo này.
- ◆ Theo kết luận thẩm định của BKS, báo cáo tài chính của Mộc Châu Milk, đã được phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

c, Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Hội đồng Quản trị	Ban điều hành
<ul style="list-style-type: none"> HĐQT đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ trách nhiệm quản lý, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác. Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT hoạt động tích cực và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với BĐH trong việc đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết của HĐQT được ban hành tuân thủ đúng thẩm quyền của HĐQT. Nội dung của các nghị quyết này tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác. 	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động điều hành, quản lý: <ul style="list-style-type: none"> Cùng với BĐH, Tổng Giám Đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty. BĐH Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp để trao đổi và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con, đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót. Hoạt động kiểm soát

d, Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông

HĐQT, BĐH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ; phối hợp chặt chẽ, độc lập, khách quan, hướng tới mục tiêu chung của Công ty; tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định liên quan. Các ý kiến, kiến nghị của BKS đều được BĐH tiếp nhận tích cực, phân phối đầy đủ và khắc phục, một số ít vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện.

2.3 KIẾN NGHỊ CỦA BKS

BKS kiến nghị một số nội dung hoạt động trong năm 2021 của công ty như sau:

<p style="font-size: 2em; margin: 0;">01</p> <p>Tiếp tục và liên tục kiện toàn bộ máy, tổ chức và tái cơ cấu tại Công ty để nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống.</p>	<p style="font-size: 2em; margin: 0;">02</p> <p>Xây dựng nền tảng quản trị rủi ro, cơ chế cảnh báo rủi ro; triển khai đến các cấp trong Công ty, để áp dụng đồng bộ và nhất quán; duy trì và cải tiến hiệu quả cơ chế kiểm soát hệ thống theo 2 cấp (tự kiểm soát & kiểm tra), trong đó, cơ chế tự kiểm soát cần được chú trọng và cải tiến liên tục.</p>	<p style="font-size: 2em; margin: 0;">03</p> <p>Triển khai phương án xây dựng đơn vị kiểm toán nội bộ phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty; và đảm bảo công tác kiểm toán nội bộ được triển khai thiết thực, hiệu quả.</p>
--	---	---

3. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan năm 2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Quang Thùy	Thành viên BKS	114.623	0,17%	125.871	0,19%	Mua
2	Lê Thị Lệ	Vợ ông Phạm Quang Thùy (TV. BKS)	173.747	0,26%	188.980	0,28%	Mua
3	Phạm Lê Hùng	Con ruột ông Phạm Quang Thùy (TV. BKS)	55.242	0,08%	20.000	0,03%	Bán



4. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm tài chính 2020, Công ty có một số giao dịch với các bên liên quan như sau:

DANH SÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN CÓ GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU TRONG NĂM

Bên liên quan	Mối quan hệ	
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	206.311.293.766	-
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	-	184.224.000
Mua hàng		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	13.731.451.250	20.321.152.50
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	3.933.170.560	-
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần	663.556.892	590.693.949
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	1.092.895.919	-
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	-	46.200.000
Chia cổ tức		
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần	34.068.164.000	99.666.082.500

5. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Không có

(Nếu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty)



Phần VI.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán
4. Báo cáo kết quả Hoạt động kinh doanh
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 16/02/2020)
Ông Nghiêm Văn Thắng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16/02/2020)
Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/02/2020)
Ông Phạm Hải Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/02/2020)
Ông Phan Minh Tiên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/02/2020)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/02/2020)
Ông Trần Công Chiến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/02/2020)
Bà Cao Thị Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/02/2020)
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/02/2020)
Bà Trần Thị Cúc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/02/2020)
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Hải Nam	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/02/2020) Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2020)
Ông Trần Công Chiến	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2020)
Ông Phạm Tuyên	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2020)
Ông Trần Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/02/2020)
Ông Nguyễn Sỹ Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/02/2020) Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2020)
Ông Trần Xuân Thao	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ◆ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán
- ◆ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng
- ◆ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không
- ◆ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- ◆ Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



PHẠM HẢI NAM
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và
Ban Tổng Giám đốc

Các Cổ đông

Công ty Cổ phần Giống
Bò sữa Mộc Châu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



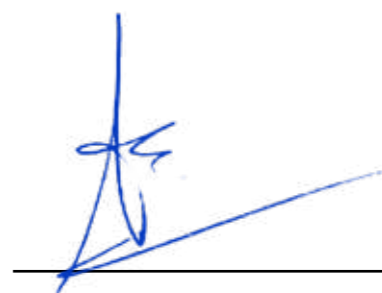
TRẦN THỊ THÚY NGỌC

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2021
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



PHAN NGỌC ANH

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2018-001-1

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN					TÀI SẢN				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
					(Phân loại lại)				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.035.835.997.796	837.839.981.598	C. NỢ PHẢI TRẢ	300		310.686.053.788	345.474.233.711
I. Tiền	110	4	21.423.151.926	73.739.743.106	I. Nợ ngắn hạn	310		250.595.700.494	290.040.022.725
1. Tiền	111		21.423.151.926	73.739.743.106	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	89.032.227.469	58.653.315.988
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	611.152.120.000	419.337.475.500	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.371.628.041	26.267.178.426
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		611.152.120.000	419.337.475.500	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	-	4.540.520.629
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.366.718.491	71.260.368.511	4. Phải trả người lao động	314		26.176.974.956	25.291.258.947
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	112.863.801.845	22.473.369.424	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	51.603.087.084	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		588.391.635	8.841.426.088	6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	49.070.796.625	137.046.191.361
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	31.914.525.011	39.945.572.999	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		32.133.155	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	204.471.819.354	260.534.525.592	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		33.308.853.164	38.241.557.374
1. Hàng tồn kho	141		205.459.863.399	260.534.525.592	II. Nợ dài hạn	330		60.090.353.294	55.434.210.986
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(988.044.045)	-	1. Phải trả dài hạn khác	337	14	60.090.353.294	55.434.210.986
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.422.188.025	12.967.868.889	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		911.910.025.528	726.740.023.801
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.920.709.742	12.307.635.504	I. Vốn chủ sở hữu	410	15	911.910.025.528	726.740.023.801
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.088.837	-	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		668.000.000.000	668.000.000.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	50.499.389.446	660.233.385	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		668.000.000.000	668.000.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		186.760.081.520	234.374.275.914	2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.767.752.503	16.694.222.888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		165.180.600	31.411.080	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		199.142.273.025	42.045.800.913
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	165.180.600	31.411.080	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		42.045.800.913	4.629.129.253
II. Tài sản cố định	220		151.325.703.737	193.608.450.900	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		157.096.472.112	37.416.671.660
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	148.776.285.125	191.035.223.503	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.222.596.079.316	1.072.214.257.512
- Nguyên giá	222		830.043.694.198	841.192.599.403	(440=300+400)				
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(681.267.409.073)	(650.157.375.900)					
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.549.418.612	2.573.227.397					
- Nguyên giá	228		3.988.000.000	2.988.000.000					
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.438.581.388)	(414.772.603)					
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.177.214.626	33.274.624.556					
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		29.177.214.626	33.274.624.556					
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	83.719.600	75.585.600					
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		83.719.600	75.585.600					
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.008.262.957	7.384.203.778					
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	6.008.262.957	7.384.203.778					
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.222.596.079.316	1.072.214.257.512					

ĐỖ THỊ THU HẰNG
 Người lập biểu

NGUYỄN ANH TÚ
 Quyền kế toán trưởng

PHẠM HẢI NAM
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2021

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

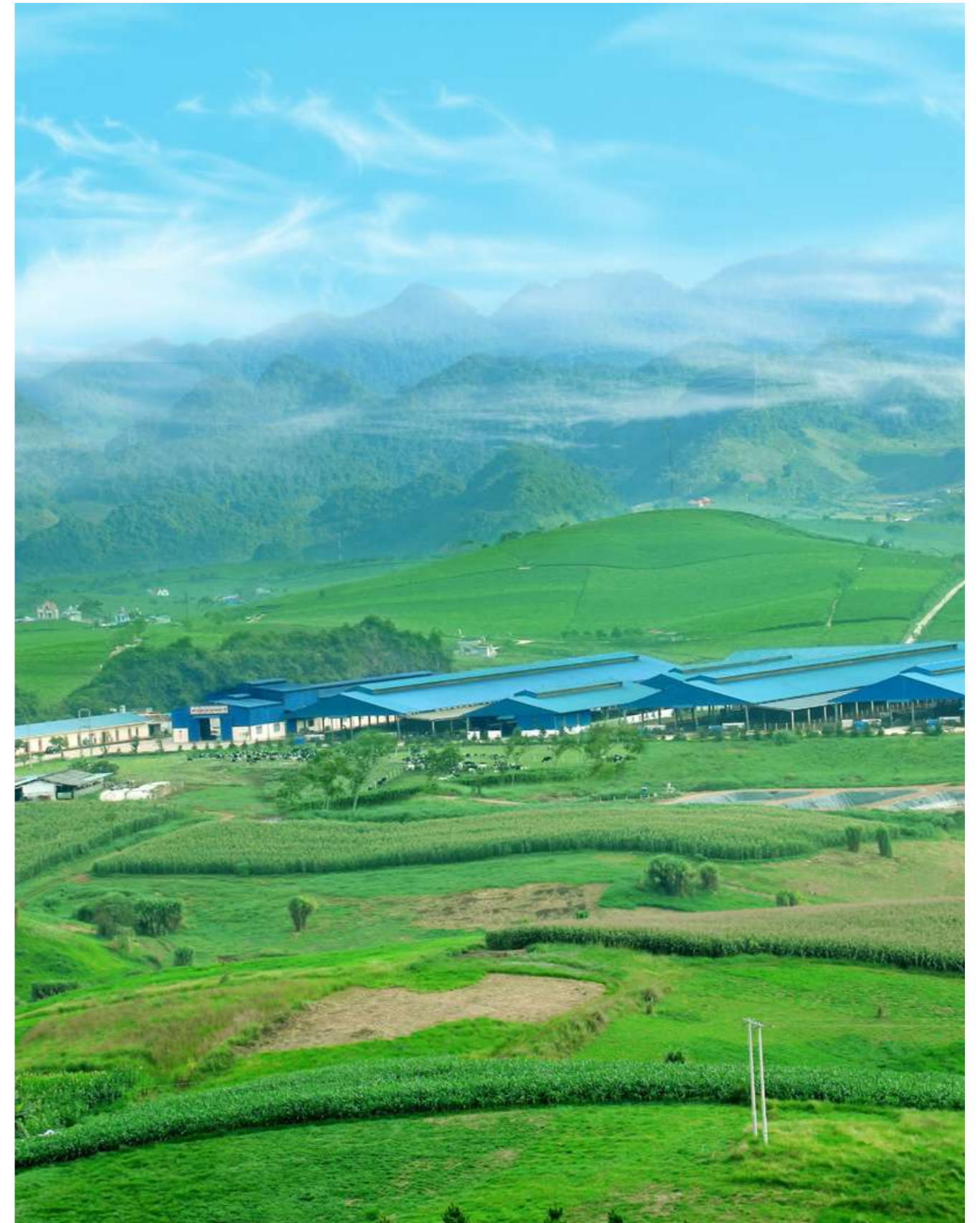
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.825.554.281.941	2.562.406.601.059
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	2.606.681.764	3.987.033.429
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.822.947.600.177	2.558.419.567.630
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	1.934.684.702.507	2.075.056.618.280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		888.262.897.670	483.362.949.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	41.113.006.037	47.754.045.218
7. Chi phí tài chính	22		64.215.261	161.917.808
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	161.917.808
8. Chi phí bán hàng	25	22	596.632.396.883	321.788.261.204
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	29.480.449.517	23.346.164.361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		303.198.842.046	185.820.651.195
11. Thu nhập khác	31	23	4.654.702.834	12.459.747.104
12. Chi phí khác	32	24	10.285.939.791	12.673.584.951
13. Lãi khác (40=31-32)	40		(5.631.236.957)	(213.837.847)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		297.567.605.089	185.606.813.348
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	16.832.308.939	18.664.584.468
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		280.735.296.150	166.942.228.880
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	3.772	2.310
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	2.291	2.310

ĐỖ THỊ THU HẰNG
 Người lập biểu

NGUYỄN ANH TÚ
 Quyền kế toán trưởng

PHẠM HẢI NAM
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2021



Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
			(Phân loại lại)				(Phân loại lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	297.567.605.089	185.606.813.348	1. Tiền thu từ đi vay	33	-	64.000.000.000
2. Điều chỉnh cho các khoản:				2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(64.000.000.000)
Khấu hao tài sản cố định	02	51.754.626.147	62.693.485.482	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(167.000.000.000)	(189.910.945.500)
Các khoản dự phòng	03	1.020.177.200	-	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(167.000.000.000)	(189.910.945.500)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	34.596.052	(21.046.733)	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(52.281.995.128)	50.568.593.968
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(28.802.323.315)	(33.787.002.786)	Tiền đầu năm	60	73.739.743.106	23.150.102.405
Chi phí lãi vay	06	-	161.917.808	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(34.596.052)	21.046.733
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	321.574.681.173	214.654.167.119	Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	21.423.151.926	73.739.743.106
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(116.159.676.516)	8.873.749.356				
Giảm hàng tồn kho	10	55.074.662.193	63.670.211.029				
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	84.973.608.636	(37.387.515.977)				
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	16.246.554.794	(6.029.526.813)				
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(161.917.808)				
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.188.732.552)	(14.920.307.834)				
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	500.000.000				
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(33.777.277.741)	(15.537.530.000)				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	298.743.819.987	213.661.329.072				
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ							
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21.075.477.230)	(52.433.908.408)				
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.263.310.000	2.420.737.863				
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(656.152.120.000)	(362.545.794.500)				
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	464.337.475.500	407.595.374.000				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.134.000)	(14.100.000)				
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.609.130.615	31.795.901.441				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(184.025.815.115)	26.818.210.396				

ĐỖ THỊ THU HẰNG
 Người lập biểu

NGUYỄN ANH TÚ
 Quyền kế toán trưởng

PHẠM HẢI NAM
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 28 tháng 02 năm 2020. Vốn điều lệ của Công ty là 668.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – Công ty Cổ phần. Công ty mẹ tối cao của Công ty là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UpCoM”) vào ngày 18 tháng 12 năm 2020 với mã chứng khoán là MCM.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 821 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 993 người).

CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò.

Hoạt động chính của Công ty là:

- ◆ Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- ◆ Chế biến thức ăn gia súc;
- ◆ Trồng cây chè;
- ◆ Bán buôn thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi;
- ◆ Bán lẻ sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt;
- ◆ Bán buôn thuốc thú y;
- ◆ Bán buôn hóa chất tẩy rửa máy móc;
- ◆ Sản xuất phân vi sinh;
- ◆ Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- ◆ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- ◆ Bán buôn sữa các sản phẩm từ sữa thịt;
- ◆ Chọn lọc, nhân giống và phát triển đàn bò sữa Quốc gia;
- ◆ Sản xuất và cung ứng giống bò;
- ◆ Kinh doanh, xuất nhập khẩu con giống, vật tư, nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi, thiết bị và phụ tùng máy móc, hương liệu, các sản phẩm từ sữa, bao bì phục vụ chăn nuôi và chế biến. Kinh doanh cân điện tử.

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán.

Một số số liệu của năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với mục đích so sánh với số liệu năm nay do ảnh hưởng của việc phân loại lại giá trị ghi sổ của các con bê chưa đạt đủ tiêu chuẩn về kỹ thuật để trở thành bò sinh sản, phân loại lại khoản ứng trước vốn đầu tư, phân loại lại chi phí vật tư hỏng hủ, phân loại lại thu nhập, chi phí từ thanh lý tài sản cố định và phân loại lại khoản phải trả khác theo kỳ hạn trả nợ còn lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	29.320.336.327	(29.320.336.327)	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10.656.647.752	29.288.925.247	39.945.572.999
Phải thu dài hạn khác	216	-	31.411.080	31.411.080
Hàng tồn kho	141	293.809.150.148	(33.274.624.556)	260.534.525.592
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	33.274.624.556	33.274.624.556
Phải trả ngắn hạn khác	319	189.567.202.347	(52.521.010.986)	137.046.191.361
Phải trả dài hạn khác	337	2.913.200.000	52.521.010.986	55.434.210.986
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	2.071.913.387.984	3.143.230.296	2.075.056.618.280
Thu nhập khác	31	9.994.309.240	2.465.437.864	12.459.747.104
Chi phí khác	32	13.351.377.383	(677.792.432)	12.673.584.951
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Giảm hàng tồn kho	10	42.976.914.512	20.693.296.517	63.670.211.029
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31.740.611.891)	(20.693.296.517)	(52.433.908.408)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

NỢ PHẢI THU

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi) tại các ngân hàng thương mại và các Quỹ tín dụng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

HÀNG TỒN KHO

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của các con bê chưa đạt đủ tiêu chuẩn về kỹ thuật để trở thành bò sinh sản. Khi bê đạt đủ các tiêu chuẩn về kỹ thuật để trở thành bò sinh sản, Công ty kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang tăng tài sản cố định (nếu chuyển sang bò sinh sản) hoặc giá vốn hàng bán (nếu bán cho các hộ chăn nuôi bò sữa).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ngoài các máy móc và thiết bị được khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần với thời gian sử dụng hữu ích sau điều chỉnh là 2,8 năm, tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 33
Máy móc, thiết bị	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Các tài sản khác	03 - 08
Súc vật làm việc, cho sản phẩm	04 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng, các chi phí quảng cáo, chi phí thuê cửa hàng, chương trình phần mềm và các chi phí trả trước khác.

Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí thuê cửa hàng và quảng cáo thể hiện số tiền thuê cửa hàng và thuê biển quảng cáo đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí chương trình phần mềm và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

QUỸ HỖ TRỢ CHĂN NUÔI

Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được thành lập dựa trên việc gộp ba quỹ: Quỹ Bảo hiểm vật nuôi, Quỹ bảo hiểm giá sữa và Quỹ Hỗ trợ sản xuất. Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi không thực hiện bất kỳ một hoạt động kinh doanh nào và được thành lập nhằm mục đích hỗ trợ các hộ nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi như: Giá thu mua sữa nguyên liệu giảm nhiều; bò, bê hao hụt hoặc xảy ra dịch bệnh. Đối tượng tham gia Quỹ hỗ trợ chăn nuôi là tất cả các hộ chăn nuôi trong hợp đồng chăn nuôi bò sữa và hợp đồng mua bán sữa với Công ty. Số tiền đóng góp chỉ phục vụ mục đích nêu trên và không được trả lại cho các hộ khi bị thanh lý hợp đồng, kể cả trong trường hợp các hộ này chấm dứt tham gia vào quỹ, trừ trường hợp giải thể quỹ.

Nguồn thu của Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi là thu từ các hộ chăn nuôi tự nguyện tham gia vào quỹ bao gồm phí hỗ trợ vật nuôi, phí hỗ trợ giá sữa và phí hỗ trợ sản xuất. Mức đóng phí hỗ trợ vật nuôi được quy định cụ thể cho từng loại bò, bê theo con và được thu 1 năm 1 lần.

Trong quá trình hoạt động, Quỹ có khoản tiền mặt tạm thời chưa sử dụng có thể thực hiện gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng. Lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Quỹ hỗ trợ chăn nuôi được ghi nhận tăng tương ứng vào tài khoản Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi trên cơ sở thực thu tiền.

TRỢ CẤP THÔI VIỆC PHẢI TRẢ

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

1. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
2. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
4. Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	77.777.907	479.720.284
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.345.374.019	73.260.022.822
	21.423.151.926	73.739.743.106

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	611.152.120.000	611.152.120.000	419.337.475.500	419.337.475.500
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	557.690.494.000	557.690.494.000	371.337.475.500	371.337.475.500
- Tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (ii)	53.461.626.000	53.461.626.000	48.000.000.000	48.000.000.000
b. Góp vốn vào đơn vị khác	83.719.600	83.719.600	75.585.600	75.585.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Mộc Châu (iii)	83.719.600	83.719.600	75.585.600	75.585.600

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc là 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng với lãi suất từ 5,3% đến 6,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 7,0% đến 7,7%/năm).
- (ii) Bao gồm khoản tiền gửi tương ứng với Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi có kỳ hạn gốc là 12 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng với lãi suất từ 4,9% đến 6,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 7,5% đến 7,7%/năm).
- (iii) Bao gồm 7.866 cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 7.052 cổ phần).

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	5.004.516.953	5.052.137.460
Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam	-	2.978.354.500
Các khách hàng khác	107.859.284.892	14.442.877.464
	112.863.801.845	22.473.369.424
Trong đó: Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	7.233.431.100	-

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi (i)	13.763.700.000	29.320.336.327
Phải thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư	18.150.813.944	10.234.277.606
Phải thu khác	11.067	390.959.066
	31.914.525.011	39.945.572.999
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	165.180.600	31.411.080
	165.180.600	31.411.080

(i) Bao gồm các khoản đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi để mua bò, đầu tư chăn nuôi với kỳ hạn gốc 10 tháng, lợi nhuận đầu tư 0,75%/tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1%/tháng).

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	123.224.460.527	(809.522.377)	121.891.687.224	-
Công cụ, dụng cụ	1.202.044.573	(34.115.719)	5.897.552.643	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.044.803.322	-	16.976.577.163	-
Thành phẩm	63.613.718.777	(144.405.949)	115.768.708.562	-
Hàng hoá	374.836.200	-	-	-
	205.459.863.399	(988.044.045)	260.534.525.592	-

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 988.044.045 VND (năm 2019: 0 VND) do hàng tồn kho bị ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	1.824.647.954	6.838.774.422
Chương trình phần mềm	989.632.668	1.144.365.117
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	3.321.301.006
Chi phí thuê cửa hàng	50.054.728	451.016.667
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	56.374.392	552.178.292
	2.920.709.742	12.307.635.504
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.579.717.025	6.823.239.850
Chi phí trả trước dài hạn khác	428.545.932	560.963.928
	6.008.262.957	7.384.203.778

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Súc vật làm việc, cho sản phẩm	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	176.931.325.658	527.552.171.732	679.170.936	58.833.921.972	72.582.657.391	4.613.351.714	841.192.599.403
Mua mới	593.844.546	187.600.000	169.000.000	-	-	-	950.444.546
Bê tơ chuyển thành bỏ vất sửa	-	-	-	-	20.996.927.831	-	20.996.927.831
Phân loại lại sang công cụ, dụng cụ	(6.834.814.390)	(4.160.511.319)	-	-	-	-	(10.995.325.709)
Thanh lý, nhượng bán	(118.217.100)	-	-	(537.221.182)	(21.445.513.591)	-	(22.100.951.873)
Số dư cuối năm	170.572.138.714	523.579.260.413	848.170.936	58.296.700.790	72.134.071.631	4.613.351.714	830.043.694.198
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	102.812.245.098	458.940.633.010	382.528.632	44.688.298.953	38.741.437.197	4.592.233.010	650.157.375.900
Khấu hao trong năm	15.032.943.633	20.201.254.500	99.902.192	5.066.594.974	10.309.003.359	21.118.704	50.730.817.362
Phân loại lại sang công cụ, dụng cụ	(1.351.126.179)	(4.160.511.319)	-	-	-	-	(5.511.637.498)
Thanh lý, nhượng bán	(118.217.100)	-	-	(156.732.792)	(13.834.196.799)	-	(14.109.146.691)
Số dư cuối năm	116.375.845.452	474.981.376.191	482.430.824	49.598.161.135	35.216.243.757	4.613.351.714	681.267.409.073
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	74.119.080.560	68.611.538.722	296.642.304	14.145.623.019	33.841.220.194	21.118.704	191.035.223.503
Tại ngày cuối năm	54.196.293.262	48.597.884.222	365.740.112	8.698.539.655	36.917.827.874	-	148.776.285.125

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 466.667.861.409 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 461.095.752.783 VND).

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 2.494.897.886 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.775.171.665 VND).

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp /thu trong năm	Số đã thực nộp /thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	40.178.778.392	-	40.178.778.392
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.514.116.676	-	9.514.116.676
Thuế thu nhập cá nhân	660.233.385	146.260.993	-	806.494.378
	660.233.385	49.839.156.061	-	50.499.389.446
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	1.698.213.692	126.258.356.867	127.956.570.559	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	63.461.121	63.461.121	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.842.306.937	16.832.308.939	19.674.615.876	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.187.037.119	8.187.037.119	-
Thuế tài nguyên	-	172.109.670	172.109.670	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.959.081.766	3.959.081.766	-
Các loại thuế khác	-	16.500.000	16.500.000	-
	4.540.520.629	155.488.855.482	160.029.376.111	-

Các nghĩa vụ thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả hộ chăn nuôi tiền mua sữa	41.582.180.933	41.582.180.933	46.036.985.538	46.036.985.538
Phải trả các đối tượng khác	47.450.046.536	47.450.046.536	12.616.330.450	12.616.330.450
	89.032.227.469	89.032.227.469	58.653.315.988	58.653.315.988
Trong đó:				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	2.195.213.383	2.195.213.383	157.068.103	157.068.103

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại, tiêu thụ sản phẩm (i)	48.274.308.535	-
Chi phí bảo dưỡng máy móc	2.562.779.079	-
Các khoản trích trước khác	765.999.470	-
	51.603.087.084	-

(i) Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại thể hiện chi phí phải trả cho các nhà phân phối theo các chương trình khuyến mại Công ty đang áp dụng.

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	34.068.164.000	134.268.164.000
Phải trả tiền bổ sung giá sữa	10.578.221.508	-
Kinh phí công đoàn	2.178.303.910	1.468.526.618
Phải trả cán bộ nhân viên	2.220.861.621	-
Các khoản phải trả, phấn nộp khác	25.245.586	1.309.500.743
	49.070.796.625	137.046.191.361
b. Dài hạn		
Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (i)	55.771.446.244	51.455.745.308
Quỹ khuyến học, các quỹ khác	1.401.507.050	1.065.265.678
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.917.400.000	2.913.200.000
	60.090.353.294	55.434.210.986

(i) Thay đổi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi trong năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số dư đầu năm	51.455.745.308	39.417.050.916
Thu quỹ trong năm	25.980.803.958	25.186.219.389
Chi quỹ trong năm	(25.342.930.119)	(13.147.524.997)
Lãi phát sinh từ tiền gửi tiết kiệm	3.677.827.097	-
Số dư cuối năm	55.771.446.244	51.455.745.308

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	568.460.460.000	82.532.150.302	116.859.541.951	767.852.152.253
Phát hành thêm cổ phiếu từ Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế	99.539.540.000	(82.532.150.302)	(17.007.389.698)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	166.942.228.880	166.942.228.880
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	16.694.222.888	(16.694.222.888)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	(12.631.334.332)	(12.631.334.332)
Chia cổ tức	-	-	(195.423.023.000)	(195.423.023.000)
Số dư đầu năm nay	668.000.000.000	16.694.222.888	42.045.800.913	726.740.023.801
Lợi nhuận trong năm	-	-	280.735.296.150	280.735.296.150
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	28.073.529.615	(28.073.529.615)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(28.765.294.423)	(28.765.294.423)
Chia cổ tức (i)	-	-	(66.800.000.000)	(66.800.000.000)
Số dư cuối năm nay	668.000.000.000	44.767.752.503	199.142.273.025	911.910.025.528

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 10%, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế, Quỹ thưởng ban quản lý điều hành với tỷ lệ 1,5% trên lợi nhuận sau thuế trong kế hoạch và 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 65/NQ-ĐHĐCĐ/GBS/2020 ngày 16 tháng 02 năm 2020.

CỔ PHIẾU

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.800.000	66.800.000
Cổ phiếu phổ thông	66.800.000	66.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.800.000	66.800.000
Cổ phiếu phổ thông	66.800.000	66.800.000

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

VỐN ĐIỀU LỆ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 28 tháng 2 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty là 668.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 668.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp	
	Số cuối năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần	340.681.640.000	51%	340.681.640.000	340.681.640.000
Các cổ đông khác	327.318.360.000	49%	327.318.360.000	327.318.360.000
	668.000.000.000	100%	668.000.000.000	668.000.000.000

CỔ TỨC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 65/NQ-ĐHĐCĐ/GBS/2020 ngày 16 tháng 02 năm 2020 thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 2.500 VND/cổ phiếu, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 1.000 VND/cổ phiếu và thanh toán vào ngày 15 tháng 12 năm 2020. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số tiền cổ tức chưa thanh toán là 34.068.164.000 VND tương ứng với số tiền phải trả cổ tức Công ty mẹ.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TRONG NĂM

Trong năm 2019 và năm 2020, Công ty không có đợt chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ nào cần phải trình bày tình hình sử dụng vốn thu được.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	3.963.658.063	3.963.658.063
Trên 1 năm đến 5 năm	15.830.717.452	15.836.696.152
Trên 5 năm	96.711.923.360	100.669.602.723

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê đất của Công ty theo các hợp đồng thuê đất.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	64,17	55.295,16
Đồng tiền chung châu Âu (EUR)	101,40	304,85

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh sữa bò. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và số 19.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	2.786.402.662.908	2.519.805.987.009
Doanh thu bán hàng hóa	26.737.197.314	31.400.771.990
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.590.442.881	9.185.848.699
Doanh thu khác	1.823.978.838	2.013.993.361
	2.825.554.281.941	2.562.406.601.059
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	2.606.681.764	3.987.033.429
	2.606.681.764	3.987.033.429
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	206.311.293.766	184.224.000

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.896.339.972.314	2.035.672.675.390
Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.739.635.703	29.729.696.542
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.180.686.259	7.481.615.499
Giá vốn khác	3.436.364.186	2.172.630.849
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	988.044.045	-
	1.934.684.702.507	2.075.056.618.280

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.746.642.285.043	1.828.566.106.069
Chi phí nhân công	144.024.282.859	147.479.468.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.489.084.223	62.693.485.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.865.933.821	116.463.094.977
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo (*)	501.963.553.436	210.854.014.524
Chi phí khác bằng tiền	14.838.247.707	15.066.501.826
Chi phí dự phòng	1.072.055.394	-
	2.541.895.442.483	2.381.122.671.824

(*) Trong năm, Công ty thực hiện các chương trình khuyến mãi, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm bằng tiền thay vì sản phẩm như năm trước.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, đầu tư ứng vốn	33.525.666.953	38.662.120.570
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	7.569.366.956	9.065.365.915
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.134.000	5.512.000
Khác	9.838.128	21.046.733
	41.113.006.037	47.754.045.218

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	17.119.433.327	12.874.016.848
Chi phí vật liệu, công cụ	2.742.463.272	1.564.405.824
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.705.919.518	1.852.064.726
Thuế, phí và lệ phí	1.156.874.511	2.438.357.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.863.030.946	472.567.831
Chi phí khác bằng tiền	3.808.716.594	4.144.751.352
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	84.011.349	-
	29.480.449.517	23.346.164.361
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	35.481.840.782	42.862.718.857
Chi phí vật liệu bao bì	2.733.290.683	2.303.765.794
Chi phí đồ dùng	22.942.442.818	32.482.706.079
Chi phí khấu hao TSCĐ	534.749.027	591.875.829
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo	501.963.553.436	210.854.014.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.826.803.776	25.732.853.125
Chi phí khác bằng tiền	5.149.716.361	6.960.326.996
	596.632.396.883	321.788.261.204

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.260.327.544	2.465.437.864
Thu tiền phạt, tiền bồi thường sản phẩm, vật tư	1.029.119.512	2.522.983.722
Thu hỗ trợ, ủng hộ	3.800.000	7.253.715.000
Thu nhập khác	361.455.778	217.610.518
	4.654.702.834	12.459.747.104

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.991.805.182	8.847.594.519
Chi phí vắc xin tiêm phòng bò các hộ dân	1.154.444.850	1.884.613.944
Phạt vi phạm hành chính	583.998.374	-
Chi phí khác	555.691.385	1.941.376.488
	10.285.939.791	12.673.584.951

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.832.308.939	18.664.584.468

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	297.567.605.089	185.606.813.348
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.490.623.495	1.039.031.333
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(8.134.000)	-
Trừ: Thu nhập được miễn thuế (i)	(217.888.549.892)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	84.161.544.692	186.645.844.681
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	84.161.544.692	-
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%	-	186.645.844.681
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.832.308.939	18.664.584.468

(i) Thu nhập được miễn thuế thể hiện thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thỏa mãn những điều kiện quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	280.735.296.150	166.942.228.880
Các khoản điều chỉnh:		
- Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành được tạm trích từ lợi nhuận sau thuế	(28.765.294.423)	(12.631.334.332)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành được tạm trích từ lợi nhuận sau thuế	(28.765.294.423)	(12.631.334.332)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	66.800.000	66.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.772	2.310

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng từ Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước với số tiền là 99.539.540.000 VND, tương ứng với 9.953.954 cổ phiếu, dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm trước như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
	Cổ phiếu	VND
Số trình bày trên báo cáo năm trước	59.334.535	2.601
Ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu	7.465.465	291
Số sau điều chỉnh	66.800.000	2.310

LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt phương án phát hành cổ phần trong năm 2020 để tăng vốn điều lệ với giá trị tăng thêm bằng tổng giá trị mệnh giá của số cổ phần phát hành thành công, trong đó vốn điều lệ tăng thêm tối đa là 432.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang làm thủ tục để phát hành các cổ phần này. Theo đó, do ảnh hưởng của các cổ phần đang trong quá trình làm thủ tục phát hành này, lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	251.970.001.727	154.310.894.548
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	66.800.000	66.800.000
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	43.200.000	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	110.000.000	66.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.291	2.310

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	206.311.293.766	-
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	-	184.224.000
Mua hàng		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	13.731.451.250	20.321.152.500
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	3.933.170.560	-
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần	663.556.892	590.693.949
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	1.092.895.919	-
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	-	46.200.000
Chia cổ tức		
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần	34.068.164.000	99.666.082.500

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	7.233.431.100	-
Phải trả cổ tức		
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần	34.068.164.000	85.170.410.000
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	1.027.640.000	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	1.000.000.000	-
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần	167.573.383	157.068.103

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.631.419.833	3.470.498.410

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN PHI TIỀN TỆ

Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia không bao gồm 18.150.813.944 VND (năm 2019: 10.234.277.606 VND), là lãi tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu không bao gồm 34.068.164.000 VND (năm 2019: 134.268.164.000 VND), là tiền cổ tức đã chia trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm 21.996.927.831 VND (năm 2019: 14.021.846.577 VND), là phần bê tông kết chuyển sang bê vữa và tiền chi mua sắm TSCĐ trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

PHÁT HÀNH CỔ PHẦN ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt phương án phát hành cổ phần trong năm 2020 để tăng vốn điều lệ với giá trị tăng thêm bằng tổng giá trị mệnh giá của số cổ phần phát hành thành công, trong đó vốn điều lệ tăng thêm tối đa là 432.000.000.000 VND. Tại ngày 06 tháng 02 năm 2021, Công ty đã hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ theo phương án trên.



ĐỖ THỊ THU HẰNG
Người lập biểu



NGUYỄN ANH TÚ
Quyền kế toán trưởng



PHẠM HẢI NAM
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2021





Mộc Châu
Milk